

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

HÀ NỘI - 2020

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 1312/QĐ- HVYDHCTVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam trực thuộc Bộ Y tế;

Thông tư số 07/2015/TT - BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT – BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 556/KH-HVYDHCTVN ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

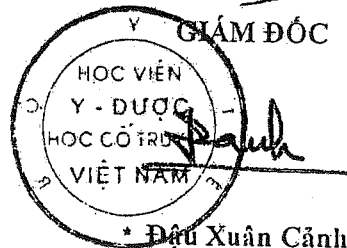
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ, chương trình được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2020.

Điều 2. Các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tổ chức quản lý, điều hành; biên soạn đề cương chi tiết học phần; biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.

Điều 3. Các ông/bà Trường phòng: Đào tạo Sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính tổng hợp, Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Đăng Website của Học viện;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1372/QĐ-HVYDHCTVN ngày 07 tháng 12 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Tên ngành đào tạo: **Y HỌC CỔ TRUYỀN (TRADITIONAL MEDICINE)**

Mã ngành đào tạo: 8720115

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Thời gian đào tạo: 2 năm

Loại hình đào tạo: Chính quy

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Thạc sĩ Y học cổ truyền trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức sâu rộng về Y học cổ truyền và thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, ra quyết định giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại; có khả năng đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học cổ truyền.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

MT1. Vận dụng lý luận y học cổ truyền và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

1.2.2. Kỹ năng

MT2. Có khả năng chẩn đoán bệnh theo phương pháp y học cổ truyền, y học hiện đại và điều trị, dự phòng một số bệnh thường gặp thuộc các chuyên khoa bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

MT3. Thực hành thành thạo một số kỹ thuật ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị bằng YHCT kết hợp Y học hiện đại.

MT4. Thực hiện các nghiên cứu khoa học và tiếp cận các vấn đề theo phương pháp luận của YHCT và YHHD. Tham gia giảng dạy cho cán bộ YHCT, sinh viên, học viên học tập và thực hành tại đơn vị công tác.

MT5. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.

MT6. Phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

MT7. Sử dụng được một số phần mềm thống kê áp dụng trong nghiên cứu y học.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

MT8. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an toàn - chất lượng của người bệnh và của cộng đồng.

MT9. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp.

MT10. Trung thực, khách quan có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

MT11. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

MT12. coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền một cách khoa học và có hiệu quả.

MT13. Quảng bá hình ảnh người bác sĩ qua cam kết làm việc theo các tiêu chuẩn thực hành lâm sàng tốt, thực hiện trách nhiệm xã hội với tác phong chuyên nghiệp, đạo đức, lối sống lành mạnh và văn hóa giao tiếp, ứng xử tốt.

II. CHUẨN ĐẦU RA

CDR1. Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển khoa học.

CDR2. Xác định được vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong nghiên cứu khoa học; xác định phương pháp và giải pháp để giải quyết vấn đề; biết cách triển khai và điều chỉnh giải pháp trong quá trình ứng dụng thực tiễn.

CDR3. Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, lý luận y học cổ truyền và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

CDR 4. Đạt trình độ một ngoại ngữ sau (tiếng Trung HSK3 hoặc tiếng Anh B1 - bậc 3/6 theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương).

CDR5. Vận dụng được kiến thức về phương pháp giảng dạy để hướng dẫn đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

CDR6. Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.

CDR7. Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh, phục hồi sức khỏe cho người bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

CDR8. Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị các bệnh thông thường.

CDR9. Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong điều trị bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại.

CDR10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

CDR11. Có kỹ năng tự học, khả năng thực hiện độc lập đề tài nghiên cứu khoa học; kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.

CDR12. Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác.

CDR13. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.

CDR14. Tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

CDR15. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp.

CDR16. Tinh thần tập thể, thái độ sẵn sàng tham gia các công tác chuyên môn để phục vụ các yêu cầu của cộng đồng.

III. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nghiên cứu (Bệnh viện YHCT, viện YHCT, khoa YHCT của bệnh viện Đa khoa và các cơ sở y tế khác)
- Các cơ sở giáo dục đào tạo, các cơ quan quản lý, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

- Bác sĩ chuyên khoa II YHCT
- Tiến sĩ YHCT

V. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Học phần chung	06	
2	Học phần cơ sở và hỗ trợ	10	
3	Học phần chuyên ngành YHCT	06	
4	Luận văn	14	
5	Các học phần tự chọn	29	
Khối lượng kiến thức toàn khóa		65	

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

5.2. Danh mục các học phần/môn học bắt buộc

5.2.1. Học phần chung

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Triết học Mác - Lê Nin ✓	3.0 ✓
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	3.0 ✓
Tổng cộng		6.0

5.2.2. Các học phần/môn học cơ sở và hỗ trợ

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền (Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Nội kinh, Nạn Kinh, Kim quỹ yếu lược Thương hàn luận).	4.0 ✓
2	Phương pháp giảng dạy đại học	3.0 ✓
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.0 ✓
Tổng cộng		10.0

5.2.3. Các học phần/môn học chuyên ngành YHCT

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Phương tế học lâm sàng (tích hợp trong điều trị) ✓	2.0 ✓
2	Châm cứu (tích hợp trong điều trị)	2.0 ✓
3	Khí công - Dưỡng sinh -XBBH (tích hợp trong điều trị)	2.0 ✓
Tổng cộng		6.0

5.2.4. Luận văn tốt nghiệp

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Luận văn	14.0
Tổng cộng		14.0

5.2.5. Các học phần/môn học tự chọn (chọn 29 tín chỉ)

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Y học hiện đại (chọn 04 tín chỉ)	
	Hồi sức cấp cứu	4.0 ✓
Hoặc	Nội tiết chuyên hóa	4.0
Hoặc	Nội hô hấp	4.0
Hoặc	Nội tim mạch	4.0
Hoặc	Phục hồi chức năng	4.0
2	Y học cổ truyền (chọn một trong các chuyên ngành sau)	
	Chuyên ngành Nội	25.0 ✓
Hoặc	Chuyên ngành Ngoại	25.0 ✓
Hoặc	Chuyên ngành Nhi	25.0 ✓
Hoặc	Chuyên ngành Phụ sản	25.0

5.3. Mã học phần/môn học và phân bố theo năm học

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết	Năm học
1	HVTR	Triết học Mác - Lê Nin	3.0		1
2	HVNN	Ngoại ngữ chuyên ngành	3.0		1
3	HVTP	Các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền (Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Nội kinh, Nạn Kinh, Kim quỹ yếu lược Thương hàn luận)	4.0	X	1
4	HVSP	Phương pháp giảng dạy đại học	3.0	/	1
5	HVNC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.0	/	1
6	HVHS	Hồi sức cấp cứu	4.0	/	1
Hoặc	HVNT	Nội tiết chuyên hóa	4.0		1
Hoặc	HVHH	Nội hô hấp	4.0		1
Hoặc	HVTM	Nội tim mạch	4.0		1
Hoặc	HVPS	Phục hồi chức năng	4.0		1
7	HVPT	Phương pháp học lâm sàng (tích hợp trong điều trị)	2.0	X	1
8	HVCC	Châm cứu (tích hợp trong điều trị)	2.0	X	1
9	HVKB	Khí công - Dưỡng sinh -XBBH (tích hợp trong điều trị)	2.0	X	1
10	HVNO	Chuyên ngành Nội	25.0	/	2
Hoặc	HVNG	Chuyên ngành Ngoại	25.0		2
Hoặc	HVNH	Chuyên ngành Nhi	25.0		2
Hoặc	HVPS	Chuyên ngành Phụ sản	25.0		2
11		Luận văn	14.0		2

25
25/2
12
10
22

VI. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

Thực tập lâm sàng và thực tập nghề nghiệp

- Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.
- Các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện YHCT Trung ương, BV Châm cứu Trung ương, BV YHCT Quân đội, BV YHCT Bộ công an, BV đa khoa YHCT Hà Nội, BV YHCT Hà Đông, BV E, BV 198....
- Bệnh viện YHCT tại các tỉnh/ thành phố trong toàn quốc.

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ gồm 65 tín chỉ, chia làm 3 khối kiến thức: Kiến thức chung (06 tín chỉ), kiến thức cơ sở và hỗ trợ (10 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền (20 tín chỉ), tự chọn (29 tín chỉ). Kiến thức chung nhằm trang bị cho người học khả năng vận dụng kiến thức về triết học, đường lối, chính sách của Đảng trong thực hành nghề nghiệp; khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về các tác phẩm kinh điển y học cổ truyền, phương pháp dạy học, phân tích vấn đề, giải quyết tình huống, viết báo cáo và trình bày chuyên đề, viết đề cương và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; khối kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền (bắt buộc) và kiến thức tự chọn chuyên sâu về y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu. Luận văn gồm 14 tín chỉ nhằm tạo cơ hội để người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học trong thực hành nghiên cứu khoa học.

2. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based-Learning, viết chuyên đề, làm bài tập nhóm, thực hành, seminar ... tăng cường tính chủ động của người học thông qua việc hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.

3. Kiểm tra, thi

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập của người học do giảng viên đánh giá, mỗi học phần đều được đánh giá thông qua thi kết thúc học phần.

Hình thức thi, kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp:

4.1. Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định của Quy chế đào tạo thạc sĩ:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định của quy chế đào tạo thạc sĩ;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

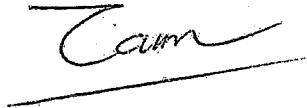
đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4.2. Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

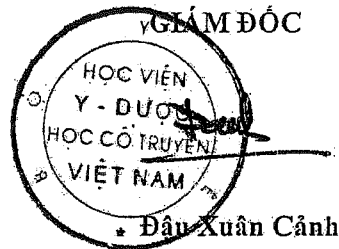
4.3. Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định;

4.4. Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo quy định.

TRƯỞNG PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC



Trần Thị Minh Tâm



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành đào tạo: 8720115 (Thạc sĩ Y học cổ truyền)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Triết học
- * Tiếng Anh: Philosophy
- Mã học phần: 311101
- Số tín chỉ: .03.LT/...0..TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết:...23. tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng:...0.. tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: ...08...tiết
 - + Kiểm tra:...01...tiết
 - + Thời gian tự học: ...13..tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa Khoa học cơ bản

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	LLCT	Dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Ths. Bùi T. Phương Thúy	0989727656	LLCT	Phuongthuy12883.pt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
1	<p>* Về kiến thức:</p> <p>- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.</p> <p>- Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.</p>	CDR 1	0.0 → 2.0
2	<p>* Về kỹ năng :</p> <p>Sau khi kết thúc môn học người học có được phương pháp tư duy khoa học, biện chứng; có một thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nhận thức đối tượng và giải quyết các tình huống nảy sinh trong công tác chuyên môn cũng như trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày.</p>	CDR 2 CDR 13	3.0 → 3.5
3	<p>* Về mức độ tự chủ và trách nhiệm :</p> <p>Học viên có được thái độ tôn trọng các nội dung và nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong công tác chuyên môn, trong cuộc sống hàng</p>	CDR 15 CDR 16	3.5 → 4.0

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
	ngày; góp phần xây dựng đất nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày một giàu mạnh.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.	CĐR1: Trình bày khái quát được sự phát triển đa dạng của triết học Phương Đông và Phương Tây
MT2: Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.	CĐR 2: Hiểu được đặc điểm và vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay. CĐR3: Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin và các nội dung liên quan đến sự phát triển khoa học, công nghệ trong công tác phát triển lĩnh vực chuyên môn.
Kỹ năng	
Sau khi kết thúc môn học người học có được phương pháp tư duy khoa học, biện chứng; có một thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nhận thức đối tượng và giải quyết các tình huống nảy sinh trong công tác chuyên môn cũng như trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày.	CĐR 4: Có tư duy logic, tư duy phản biện; Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Học viên có được thái độ tôn trọng các nội dung và nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong công tác chuyên môn, trong cuộc sống hàng ngày; góp phần xây dựng đất nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày một giàu mạnh.	CĐR5: Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Chương 1: Khái lược về Triết học	3	3			
Chương 2: Triết học Mác - Lênin			3	1	1
Chương 3: Mối quan hệ giữa Triết học và Khoa học tự nhiên		1			
Chương 4: Vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội			2		1

6. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Triết học thuộc kiến thức chung, bao gồm 4 chương cung cấp:

1/ Những kiến thức khái lược về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây cũng như những ảnh hưởng của một số trào lưu tư tưởng triết học tiêu biểu đến đời sống xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

2/ Kiến thức Triết học Mác – Lênin nâng cao, củng cố và phát triển tư duy biện chứng, định hướng hoạt động thực tiễn cho người học;

3/ Tầm quan trọng của Triết học và vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của các ngành khoa học nói riêng và đối với toàn xã hội nói chung.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/ KT	Tổng cộng		
<p>Chương I:</p> <p>KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>I. Triết học là gì?</p> <p>1. Khái niệm triết học</p> <p>2. Đối tượng của triết học</p> <p>3. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>5. Khả tri và bất khả tri</p> <p>6. Biện chứng và siêu hình</p> <p>II. Triết học phương Đông</p> <p>1. Triết học Ấn Độ cổ đại (Triết học Phật giáo)</p> <p>2. Triết học Trung Hoa cổ đại</p> <p>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>- Vấn đề tư tưởng triết học Việt Nam.</p> <p>- Một số tư tưởng triết học Việt Nam tiêu biểu.</p> <p>- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.</p> <p>IV. Triết học phương Tây</p> <p>1. Đặc thù của triết học phương Tây.</p> <p>2. Triết học Hy Lạp cổ đại</p> <p>3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại.</p> <p>4. Triết học cổ điển Đức.</p> <p>5. Triết học phương Tây đương đại.</p>	8	0	4	12	04	<p>- Học viên tự nghiên cứu Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

<p>Chương II: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN</p>						
<p>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</p>	04	0	04	08	04	
<p>1. Điều kiện kinh tế - xã hội 2. Tiền đề lý luận 3. Tiền đề khoa học tự nhiên 4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin. 5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin.</p>						
<p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p>						
<p>1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. - Nguyên lý về sự phát triển.</p> <p>2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn, lượng chất, phủ định của phủ định).</p> <p>3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật (cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, ngẫu nhiên và tất nhiên, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng, khả năng và hiện thực).</p>						<p>- Học viên tự nghiên cứu Giáo trình một số nội dung trong bài học. - Nghe giảng - Trao đổi và thảo luận - Làm bài kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)</p>
<p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p>						
<p>1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội 2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người</p>						

<p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <p>1. Những biến đổi của thời đại</p> <p>2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin</p>					
<p style="text-align: center;">Chương III:</p> <p style="text-align: center;">MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</p> <p>1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</p> <p><i>a. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.</i></p> <p>- Khoa học với sự ra đời và phát triển của các quan điểm triết học, các trào lưu triết học.</p> <p>+ Khoa học và triết học thời cổ đại</p> <p>+ Khoa học trong nền triết học tự nhiên</p> <p>+ Cơ học cổ điển và tư duy siêu hình</p> <p>+ Khoa học hiện đại và tư duy biện chứng</p> <p>- Triết học không thể khái quát các quan niệm và kết luận triết học từ đâu khác ngoài các dữ liệu của khoa học và của đời sống thực tiễn.</p> <p><i>b. Ý nghĩa của phát minh khoa học đối với Triết học.</i></p> <p>- Những thành tựu của khoa học có nhu cầu tự thân đòi hỏi phải được giải thích lý luận, tất yếu dẫn tới các kết luận chung về lý thuyết, những khái quát triết học định hướng.</p> <p>- Thiếu kiến thức khoa học và dữ liệu đời sống cập nhật, nhà triết học không thể có</p>	04	0	04	08	0
					<p>- Học viên tự nghiên cứu</p> <p>Giáo trình</p> <p>một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

tư duy triết học hợp lý, đúng đắn; triết học trở nên xa rời thực tiễn.

2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học

a. Thế giới quan và phương pháp luận

- Khái niệm thế giới quan và Khái niệm phương pháp luận.

- Các loại thế giới quan và phương pháp luận.

- Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học nói chung và của triết học duy vật biện chứng nói riêng.

b. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học

- Triết học có vai trò thúc đẩy (hoặc kìm hãm) sự phát triển của khoa học.

+ Triết học sáng suốt dẫn đường cho khoa học phát minh, sáng chế.

+ Sự hạn chế trong tư tưởng triết học sẽ dẫn tới cản trở khoa học và hoạt động thực tiễn.

+ Phép biện chứng duy vật là cơ sở phương pháp luận của khoa học hiện đại, là công cụ để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới, định hướng phát triển khoa học.

- Phương pháp luận siêu hình cản trở sự phát triển của khoa học.

c. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường

<p>- Thiếu tư duy triết học sáng suốt dẫn đường, nhà khoa học khó có thể xác định tốt những định hướng nghiên cứu đúng đắn, tối ưu để đi tới những phát minh, sáng chế.</p> <p>- Nhà khoa học đạt tới trình độ cao trong các khoa học chuyên ngành thường là những người có tư duy triết học sâu sắc.</p> <p>- Các nhà khoa học dù có thái độ thế nào đi nữa cũng vẫn bị triết học chi phối.</p> <p>+ Coi thường phép biện chứng, coi thường quy luật, coi thường logic khách quan... không tránh khỏi dẫn tới sai lầm trong bản thân lĩnh vực chuyên sâu (Lênin).</p> <p>+ “Những ai phỉ báng triết học nhiều nhất lại chính là những kẻ nô lệ của những tàn tích thông tục hóa, tồi tệ nhất của triết học” (C. Mác – Ph. Ăngghen. <i>Toàn tập</i>, t.20. NXB CTQG, 1994, tr. 692-693).</p>						
<p style="text-align: center;">Chương IV:</p> <p style="text-align: center;">VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XH</p> <p>1. Ý thức Khoa học</p> <p><i>a. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó</i></p> <p>- Khoa học với tính cách là hình thái ý thức xã hội.</p> <p>- Khoa học với tính cách là hệ thống tri thức.</p> <p>- Khoa học với tính cách là hoạt động XH</p> <p>- Những tiền đề của sự xuất hiện các khoa học:</p>	04	0	04	08	01	<p>- Học viên tự nghiên cứu</p> <p>Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

<p>+ Thời Cổ đại và Trung cổ.</p> <p>+ Thời đại Phục hưng và Khai sáng.</p> <p>- Sự xuất hiện các khoa học:</p> <p>+ Các khoa học tự nhiên.</p> <p>+ Các khoa học xã hội và nhân văn.</p> <p><i>b. Các loại hình khoa học chủ yếu</i></p> <p>- Phân loại khoa học.</p> <p>- Khoa học tự nhiên và công nghệ.</p> <p>- Khoa học xã hội và nhân văn.</p> <p>+ Khoa học xã hội và nhân văn ngày nay trực tiếp là dữ liệu khái quát của gần như tất cả các nhà triết học và hầu hết các trào lưu triết học.</p> <p>+ Triết học ngày nay gắn bó đặc biệt hữu cơ với khoa học xã hội và nhân văn và với các khoa học liên ngành, đa ngành.</p> <p>2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</p> <p><i>a. Cách mạng khoa học - công nghệ</i></p> <p>- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ trong lịch sử: bối cảnh kinh tế - xã hội, nội dung và tác động của nó đến sự phát triển xã hội.</p> <p>- Một số thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.</p> <p>+ Tin học và công nghệ thông tin.</p> <p>+ Khoa học tự nhiên và công nghệ: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ siêu cơ bản, công nghệ năng lượng mới; khoa học và công nghệ vũ trụ...</p> <p>+ Khoa học xã hội và quản lý xã hội.</p>						
--	--	--	--	--	--	--

<p>- Đặc điểm và vai trò của cách mạng khoa học - công nghệ.</p> <p>+ Rút ngắn thời gian thực hiện các ý tưởng. Rút ngắn vòng đời các sản phẩm khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Giải phóng người lao động khỏi quá trình sản xuất trực tiếp.</p> <p>+ Thay đổi các quan hệ xã hội.</p> <p><i>b. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i></p> <p>- Động lực của sự phát triển (khái niệm nguồn gốc, động lực của sự phát triển; các loại động lực của sự phát triển xã hội).</p> <p>- Quan niệm của Mác về khoa học với tính cách là lực lượng sản xuất trực tiếp.</p> <p>- Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển.</p> <p>3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</p> <p><i>a. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Những thành tựu về khoa học công nghệ ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay.</p> <p>- Những hạn chế, yếu kém.</p> <p>- Nguyên nhân của những thành tựu, yếu kém.</p> <p><i>b. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học - công nghệ.</p> <p>- Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam.</p>						
---	--	--	--	--	--	--

<p>+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Trí thức và nguồn nhân lực khoa học và công nghệ là tài nguyên vô giá của đất nước.</p> <p>+ Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ, phát huy vai trò dẫn đường của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>+ Hợp tác và hội nhập quốc tế.</p> <p>- Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học công nghệ Việt Nam trong giai đoạn tới.</p> <p>+ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ, đảm bảo vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tác động và đóng góp quyết định cho phát triển.</p> <p>+ Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.</p> <p>+ Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Hợp tác và hội nhập quốc tế.</p>					
				32	13

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập:

8.1. Tài liệu chính: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Triết học*

(dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB. Chính trị Quốc gia, HN

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết:

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Khái luận về triết học	4 giờ					
Buổi 2	Khái luận về triết học						4 giờ
Buổi 3	Khái luận về triết học	4 giờ					
Buổi 4	Khái luận về triết học				4 giờ		
Buổi 5	Triết học Mác – Lênin	4 giờ					
Buổi 6	Triết học Mác – Lênin						4 giờ
Buổi 7	Triết học Mác – Lênin						

Buổi 8	Triết học Mác – Lênin		1 giờ		3 giờ		
Buổi 9	Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học	4 giờ					
Buổi 10	Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học					4 giờ	
Buổi 11	Vai trò của sự phát triển KHCN trong phát triển xã hội	4 giờ					1 giờ
Buổi 12	Vai trò của sự phát triển KHCN trong phát triển xã hội	3 giờ			1 giờ		
	TỔNG	23	1		8	0	13

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình ; Phát vấn ; Động não; Học dựa trên vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần; Máy chiếu, loa, mic, bảng viết, bút (phấn)...

11.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp:

- + Tham gia học tập ít nhất 80% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.
- + Không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại di động, không làm việc riêng của cá nhân trong giờ học.

- Tự học: Học viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo tại nhà những nội dung giáo viên yêu cầu.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- + Bài kiểm tra điều kiện đạt điểm 5/10 trở lên
- + Nghỉ học không quá 20% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm chuyên cần	10%	80% số buổi học trên lớp	
2	Điểm kiểm tra điều kiện	30%	Nắm được kiến thức căn bản của môn học	
3	Điểm thi kết thúc học phần	60%	Nhớ, hiểu và vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết vấn đề đề bài đặt ra	
	Thi tự luận/ Viết tiểu luận	100%	Bài làm đúng, đủ theo gợi ý của đáp án	CĐR1 đến CĐR 16

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

13.. Hướng dẫn thực hiện:

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN


ĐOÀN QUANG HUY


ĐINH NGUYỄN AN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành
- * Tiếng Anh: English for Medical Purposes
- Mã Học phần/ Môn học: HVNN
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Năm thứ Nhất - Thạc sĩ YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thi tuyển đầu vào bằng tiếng Anh trình độ B1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: 20 tiết
- * Thực hành: 25 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Văn Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1	+ Kiến thức về ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong chuyên ngành y học ở trình độ sau trung cấp thông qua các chủ điểm của bài học. + Kiến thức nền về nghề nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các bài viết thực tế về công việc chuyên môn trong lĩnh vực y học, các kỹ năng giao tiếp giữa bác sĩ và người bệnh trong bối cảnh lấy người bệnh là trung tâm, kiến thức về văn hóa trong cộng đồng và giao tiếp.	PLO3 PLO11 PLO13	2 2 2
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	PLO3 PLO11	2 2
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	PLO11 PLO13 PLO16	2 2 2

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CĐR)

Mục tiêu	CĐR của HP	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT1 Kiến thức	CĐR1	<p>Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học bằng tiếng Anh, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học.</p> <p>Vận dụng được các thuật ngữ về y học bằng tiếng Anh và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.</p>	PLO3 PLO11
	CĐR2	<p>Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các dạng âm yếu, dạng thức của động từ chia ở quá khứ, các dạng yếu và mạnh của động từ khuyết thiếu, các âm bị biến mất, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.</p>	PLO3
	CĐR3	<p>Ngữ pháp: Phân biệt được các dạng câu hỏi YES/NO và câu hỏi có từ để hỏi-WH; nhận biết dạng câu hỏi có đuôi ở các thì hiện tại, quá khứ và tương lai.</p> <p>Phân biệt các thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành.</p> <p>Nhận biết dạng câu trực tiếp, gián tiếp và các động từ thường dùng trong mỗi loại câu này.</p> <p>Nhận biết các loại câu chủ động, bị động.</p> <p>Phân biệt cách dùng động từ tình thái could/might/may can't be/must be, unlikely/likely to be diễn tả sự suy đoán về một sự việc chưa chắc chắn.</p> <p>Nhận biết các cụm động từ và cấu tạo của chúng.</p> <p>Nhận biết các cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc cuộc nói chuyện: đưa ra lời đề nghị và cách thức đáp lại lời đề nghị, cách đặt các câu hỏi đóng-mở, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...</p>	PLO3
	CĐR4	<p>Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa. 	PLO3 PLO13

MT2 Kỹ năng	CDR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề bệnh tật trong chuyên ngành y khoa tại các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế.	PLO3 PLO11
	CDR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	PLO3 PLO11
	CDR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y khoa.	PLO3 PLO11
	CDR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	PLO3 PLO11
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	CDR9	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	PLO11 PLO13 PLO16

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CDR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nội dung 1: Making a diagnosis									
Lesson 1: So, what can I do for you	√		√	√	√	√			√
Lesson 2: When did the problem begin	√		√	√		√	√	√	√
Lesson 3: I'd like to examine you	√		√	√	√	√			√
Lesson 4: What's the diagnosis	√		√	√	√	√			√
Lesson 5: Let me explain your diet	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 6: To put it more simple	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Team Project 1	√		√	√		√	√	√	√
Nội dung 2: Working under pressure									
Lesson 1: If you are not sure, ask	√		√	√	√	√			√
Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich	√		√	√	√	√			√

Lesson 3: Has he ever fainted before	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 4: I'd like to ask you a few questions	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 5: We need to take a sample	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Lesson 6: Can I explain the procedure	√	√	√	√		√	√	√	√
Team Project 2	√		√	√		√	√	√	√
Nội dung 3: Breaking bad news									
Lesson 1: Can you describe the pain	√		√	√	√	√			√
Lesson 2: It's how you say it	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Lesson 3: It's getting you down, isn't it	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Lesson 4: We need a psychiatric evaluation	√		√	√	√	√	√	√	√
Lesson 5: It might be multiple sclerosis	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 6: I'm afraid to say that...	√		√	√		√	√		√
Team Project 3	√		√	√		√	√	√	√
Nội dung 4: Calling in the Stroke Team									
Lesson 1: She can hardly speak	√		√	√	√	√		√	√
Lesson 2: How many fingers can you see	√	√	√	√		√	√		√
Lesson 3: We need to run a few more tests	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 4: What medication would you prescribe	√		√	√	√	√	√		√
Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan	√		√	√		√	√		√
Lesson 6: I'm going to teach you some exercises	√		√	√		√	√		√
Team Project 4	√		√	√		√	√	√	√
Nội dung 5: Referring a patient									
Lesson 1: I can't put up with the pain	√		√	√		√			√
Lesson 2: Thank you for referring the patient	√		√	√		√	√	√	√
Lesson 3: Let's examine your mouth	√		√	√	√		√	√	√
Lesson 4: Follow the postoperative advice	√		√	√		√	√	√	√
Lesson 5: Your test results are back	√		√	√	√	√	√	√	√
Lesson 6: You are very lucky	√		√	√		√	√	√	√
Team Project 5	√		√	√		√	√	√	√

6. Mô tả học phần

- Học phần Tiếng Anh chuyên ngành (TACN) được xây dựng với 05 nội dung lớn bao gồm 30 đơn vị bài học nhỏ. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Anh trong lĩnh vực y học như một phương tiện giúp học viên tiếp cận, truy cập và nghiên cứu những sách báo,

tài liệu chuyên ngành y bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh như một phương tiện giao tiếp trong chuyên ngành của mình. Trong từng đơn vị bài học có những phần chính gồm 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành...

- Mục đích của học phần TACN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TACN này giúp phát triển sự tự tin của học viên để tồn tại và thành công trong các cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp và xã hội trong một cộng đồng toàn cầu nói tiếng Anh. Học phần TACN cung cấp các cơ hội cho học viên chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của họ bằng cách thực hành các kỹ năng tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến công việc mà họ đang và sẽ thực hiện. Các kỹ năng và ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân khi khai thác bệnh sử, viết tiền sử bệnh cách đặt câu hỏi mở, cách trình bày trường hợp, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học				Yêu cầu với học viên	
	Lên lớp (tiết)					Tự học (giờ)
	LT	TH	BT/TL	Tổng		
Nội dung 1: Making a diagnosis Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

<p>Nội dung 2: Working under pressure</p> <p>Lesson 1: If you are not sure, ask</p> <p>Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich</p> <p>Lesson 3: Has he ever fainted before</p> <p>Lesson 4: I'd like to ask you a few questions</p> <p>Lesson 5: We need to take a sample</p> <p>Lesson 6: Can I explain the procedure</p> <p>Team Project 2</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>Nội dung 3: Breaking bad news</p> <p>Lesson 1: Can you describe the pain</p> <p>Lesson 2: It's how you say it</p> <p>Lesson 3: It's getting you down, isn't it</p> <p>Lesson 4: We need a psychiatric evaluation</p> <p>Lesson 5: It might be multiple sclerosis</p> <p>Lesson 6: I'm afraid to say that...</p> <p>Team Project 3</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>Nội dung 4: Calling in the Stroke Team</p> <p>Lesson 1: She can hardly speak</p> <p>Lesson 2: How many fingers can you see</p> <p>Lesson 3: We need to run a few more tests</p> <p>Lesson 4: What medication would you prescribe</p> <p>Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan</p> <p>Lesson 6: I'm going to teach you some exercises</p> <p>Team Project 4</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>Nội dung 5: Referring a patient</p> <p>Lesson 1: I can't put up with the pain</p> <p>Lesson 2: Thank you for referring the patient</p> <p>Lesson 3: Let's examine your mouth</p> <p>Lesson 4: Follow the postoperative advice</p> <p>Lesson 5: Your test results are back</p> <p>Lesson 6: You are very lucky</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng</p>

Team Project 5						dẫn của giảng viên.
----------------	--	--	--	--	--	---------------------

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Martin Milner (2006). *English for Health Sciences: Professional English*. Thomson Press

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use - Medicine*. NXB Đồng Nai.

2. Sam McCarter. *Medicine 1 (Student's Book) - Essential skills for doctor-patient communication*. Oxford University

3. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

4. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

5. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.

6. Các websites chuyên ngành.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	3		2	2		7.5
2	3		2	2		7.5
3	2		2	2		7.5
4	3		1	2		7.5
5	3		1	2		7.5
6	2		2	2		7.5
7	3		2	2		7.5
8	3		2	2		7.5
9	3		1	2		7.5
10	3		1	2		7.5
11	2		2	2		7.5
12	0		2	3		7.5
Tổng	30		20	25		90

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình <input checked="" type="checkbox"/>	Động não <input checked="" type="checkbox"/>	Từng cặp /Chia sẻ <input checked="" type="checkbox"/>
Học dựa trên vấn đề <input checked="" type="checkbox"/>	Hoạt động nhóm <input checked="" type="checkbox"/>	Đóng vai <input checked="" type="checkbox"/>
Học dựa vào dự án <input checked="" type="checkbox"/>	Mô phỏng <input checked="" type="checkbox"/>	Nghiên cứu tình huống <input checked="" type="checkbox"/>
Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập <input type="checkbox"/>		

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định Học viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho

việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %. Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

12.2.1. Điểm đánh giá quá trình: 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thảo luận nhóm

Bài tập lớn

Thực hành

Khác

12.2.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số 100 %

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Vấn đáp

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	CĐR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			

	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi. 	CDR1 đến CDR9
--	----------------------------------	------	---	---------------

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

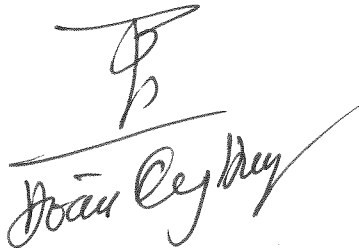
Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI VIẾT ĐC
(Ký, ghi rõ họ tên)





Doãn Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: **Thạc sỹ YHCT**; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: **Ngoại ngữ/Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Việt: **Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes**
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: **03**
- Đối tượng học: **Năm thứ Nhất - Thạc sỹ YHCT**
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thi tuyển đầu vào bằng tiếng Trung trình độ HSK 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: 20 tiết
- * Thực hành: 25 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thừa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1	Vận dụng được các cấu trúc tiếng Trung, vốn từ vựng phổ thông và thuật ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền.		
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CĐR)

Mục tiêu	CDR của HP	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
MT1 Kiến thức	CDR1	Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học cổ truyền bằng tiếng Trung, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học. Vận dụng được các thuật ngữ về y học bằng tiếng Trung và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.	
	CDR2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, trọng âm, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.	
	CDR3	Ngữ pháp: - Nhận biết về cách sử dụng động từ, tính từ, giới từ, liên từ, kết cấu cố định. - Nhận biết các cấu trúc câu trong đọc, viết.	
	CDR4	Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp: - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa. - Nhận diện được những kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử Trung Quốc và những tài liệu chuyên môn ngắn liên quan đến Y học cổ truyền.	
MT2 Kỹ năng	CDR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề bệnh tật trong chuyên ngành y học cổ truyền tại các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế.	
	CDR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	
	CDR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y khoa.	
	CDR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	

MT3	CDR9	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CDR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
第一课: 针灸 Bài 1: Châm cứu	√		√	√	√	√			√
第二课: 针刺疗法 Bài 2: Điều trị bằng châm cứu	√		√	√		√	√	√	√
第三课: 推拿 Bài 3: Xoa bóp	√		√	√	√	√			√
第四课: 甘草的传说 Bài 4: Truyền thuyết cam thảo	√		√	√	√	√			√
第五课: 人参 Bài 5: Nhân sâm	√		√	√	√	√	√		√
第六课: 中医学的基本特点 Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第七课: 阴阳学说 Bài 7: Học thuyết âm dương	√		√	√		√	√	√	√
第八课: 复习	√		√	√	√	√			√

6. Mô tả học phần

- Học phần Tiếng Trung chuyên ngành (TTCN) được xây dựng với 07 đơn vị bài học. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Trung trong lĩnh vực y học cổ truyền như Trong từng bài học có những phần chính gồm Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành...

- Mục đích của học phần TTCN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TTCN này giúp phát triển sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung. Học phần TTCN rèn luyện các kỹ năng và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, mô tả và xác định nguyên nhân gây bệnh bằng kiến thức y dược học cổ truyền.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học				Tự học (giờ)	Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	TH	BT/TL	Tổng		
第一课: 针灸 Bài 1: Châm cứu 一、生词: 35 个生词; 3 个专名 二、课文: 《针灸》 三、词语用法举例: 1、包括; 2、为...所...; 3、对于; 4、通过; 5、一定 四、注释: 1、为...所...; 2、对于; 3、通过; 4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献 五、练习	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第二课: 针刺疗法 Bài 2: Điều trị bằng châm cứu 一、生词: 36 个生词 二、课文: 《针刺疗法》 三、词语用法举例: 1、适当; 2、不断; 3、根据; 4、用来.....; 5、.....,再..... 四、注释: 1、不断 2、根据; 3、..... 用来..... 五、练习	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第三课: 推拿 Bài 3: Xoa bóp	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc

<p>一、生词：35 个生词</p> <p>二、课文：《推拿》</p> <p>三、词语用法举例：1、称；2、必须；3、既.....又（也）.....；4、对.....来说</p> <p>四、注释：1、称；2、既.....又（也）.....；3、对.....来说</p> <p>五、练习</p>						<p>nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第四课：甘草的传说</p> <p>Bài 4: Truyền thuyết cam thảo</p> <p>一、生词：36 个生词</p> <p>二、课文：《甘草的传说》</p> <p>三、词语用法举例：1、偶然；2、照常；3、临；4、甚至；5、等</p> <p>四、注释：1、偶然；2、我丈夫临走的时候；3、等人们走了以后.....；4、甚至；5、就同妻子是怎么一回事</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第五课：人参</p> <p>Bài 5: Nhân sâm</p> <p>一、生词：34 个生词</p> <p>二、课文：《人参》</p> <p>三、词语用法举例：1、愈....愈....；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使</p> <p>四、注释：1、愈....愈....；2、远远不能满足需要；3、促使</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第六课：中医学的基本特点</p> <p>Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học</p> <p>一、生词：37 个生词</p> <p>二、课文：《人参》</p> <p>三、词语用法举例：1、愈....愈....；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使</p> <p>四、注释：1、愈....愈....；2、远远不</p>						

能满足需要; 3、促使						
五、练习						
第七课: 阴阳学说						
Bài 7: Học thuyết âm dương						
第八课: 复习						

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] 王砚农、阎德早主编, *中医汉语 (下)*, 北京语言文化大学出版社, 1999 年
- [2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Bài giảng chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, năm 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002. Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.
- [2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.
- [3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.
- [4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.
- [5]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.
- [6]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	3		2	2		7.5
2	3		2	2		7.5
3	2		2	2		7.5

4	3		1	2		7.5
5	3		1	2		7.5
6	2		2	2		7.5
7	3		2	2		7.5
8	3		2	2		7.5
9	3		1	2		7.5
10	3		1	2		7.5
11	2		2	2		7.5
12	0		2	3		7.5
Tổng	30		20	25		90

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ
 Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai
 Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống
 Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định Học viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %. Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

12.2.1. Điểm đánh giá quá trình: 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thảo luận nhóm

Bài tập lớn

Thực hành

Khác

12.2.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số 100 %

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Vấn đáp

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	<ul style="list-style-type: none">- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.- Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học.- Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	CDR1 đến CDR9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

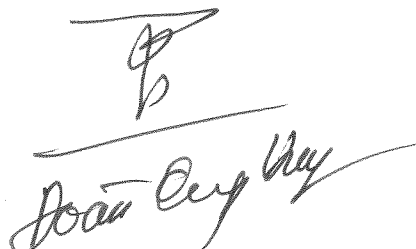
12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Đoàn Quý Huy

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Chi Lê

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ Y học cổ truyền
Mã số đào tạo:

Năm thứ:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Tác phẩm kinh điển (*Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh*)

* Tiếng Việt:

- Mã Học phần/ Môn học

- Số tín chỉ: 4

- Đối tượng học: Thạc sĩ nội trú Y học cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
X		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động (lên lớp/ thực hành/ tự học): 4 tín chỉ

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sau khi học xong môn Tác Phẩm Kinh điển học viên có khả năng:

Nắm được thân thể, sự nghiệp của các y gia nổi tiếng trong tứ đại kinh điển và những tác phẩm kinh điển của các y gia.

Nâng cao trình độ nhận thức về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm trong Tứ đại kinh điển

- Về kỹ năng:

Biết sử dụng kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học viên ý thức được trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp là chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

Tiếp thu cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng

Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ

*** Ma trận mục tiêu học phần/môn học với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Tác phẩm	Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
Nội kinh	MT 1	Quá trình hình thành và phát triển của sách “nội kinh”.	
	MT2	Nắm được đại cương phần Dưỡng sinh của sách Nội kinh, hiểu rõ tư tưởng của các kinh văn trong phần này	
	MT3	Hiểu được nội dung của Học thuyết Âm – Dương trong nội kinh, đặc điểm phương pháp luận của các kinh văn.	
	MT 4	Nắm vững hàm nghĩa nội dung học thuyết Ngũ hành trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 5	Nắm vững đại cương học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 6	Thuộc được đại cương 12 đường kinh của học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 7	Nắm vững học thuyết Tạng tượng trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 8	Nắm vững đại cương Chấn pháp trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 9	Nắm vững đại cương Ngũ vận Lục khí trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 10	Nắm vững đại cương Phép tác trị liệu trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
Thương hàn luận	MT 1	nắm được đại cương về Thương hàn luận	
	MT2	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái dương và phương pháp điều trị	
	MT3	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu dương và phương pháp điều trị	
	MT 4	Nắm vững triệu chứng của kinh Dương minh và phương pháp điều trị	
	MT 5	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái âm và phương pháp điều trị	
	MT 6	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu âm và phương pháp điều trị	
	MT 7	Nắm vững triệu chứng của kinh Quyết âm và phương pháp điều trị	
	MT1	Hiểu được hàm nghĩa tên sách, tác giả, tính chất và sự hình thành “Kim quỹ yếu lược”.	

Kim quỹ yếu lược	MT 2	Năm vãng Nguyên tắc điều trị biểu lý đồng bệnh trong kinh văn “ <i>Hỏi: Có bệnh cấp phải cứu lý ngay, có bệnh phải cứu biểu ngay, là lẽ vì sao?</i> ” <i>Thầy đáp: Bệnh, mà sau khi thầy thuốc cho hạ lại tiếp tục ỉa chảy phân sống không ngừng, toàn thân đau mỏi thì phải cứu lý ngay; nếu sau khi cho hạ mà toàn thân đau nhức, đại tiện tự điều hòa trở lại, thì phải cứu biểu.</i> ”	
	MT 3	Năm vãng Nguyên tắc điều trị cũ mới đồng bệnh trong kinh văn: “ <i>Người bệnh vốn có bệnh lâu ngày mạn tính khó chữa, lại đột nhiên mắc thêm bệnh khác, điều trị thích hợp là điều trị bệnh mới mắc trước, điều trị bệnh cũ mạn tính sau.</i> ”	
	MT 4	Hiểu được Chứng trị của bệnh lịch tiết thể phong thấp lịch tiết trong kinh văn: “ <i>Tứ chi xương khớp đau nhức, cơ thể suy nhược gây yếu các các khớp sưng to, các khớp xương ở chân sưng to biến dạng đột ngột, chóng mặt đảo điên, nôn nao buồn nôn, dùng bài quế chi thược dược tri mẫu thang chủ trị.</i> ”	
	MT 5	So sánh quế chi thược dược tri mẫu thang chứng với ô đầu thang chứng	
	MT 6	Năm vãng Nguyên nhân hình thành, mạch chứng và chẩn đoán phân biệt phế nuy trong kinh văn: “ <i>Hỏi: Nhiệt tại thượng tiêu, nhân ho gây thành phế nuy. Bệnh phế nuy, hình thành như thế nào? Thầy đáp: Hoặc do mồ hôi ra mà bị, hoặc do nôn mửa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều, tân dịch vong thất nhiều (mất tân dịch nhiều), mà sinh thành phế nuy. Hỏi: Thốn khẩu mạch sắc, người bệnh ho, khạc nhổ nước dãi, có bọt đục, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Đó là bệnh phế nuy, nếu trong miệng khô táo, đau âm ỉ trong ngực khi ho, mạch lại hoạt sắc, đó là bệnh phế ung, ho, khạc ra máu mù. Mạch sắc hư, là phế nuy, ác thực là phế ung.</i> ”	
	MT 7	Năm vãng Bệnh nguyên bệnh cơ, mạch chứng và dự hậu của phế ung trong kinh văn: “ <i>Bệnh khái nghịch, bắt mạch, tại sao có thể biết được đây là bệnh phế ung? Bệnh phế ung có máu mù, nôn ra máu mù ắt chết, mạch lúc này thế nào? Thầy đáp: Mạch thốn khẩu vi mà mạch sắc, vi là do phong, sắc là do nhiệt; vi ắt ra mồ hôi (phong trực trúng vào vệ khí, biểu mất kiên cố tẩu lý sơ hở thì mồ hôi chảy không ngừng), sắc ắt sợ lạnh. Phong trực trúng vào vệ khí, thì thở ra được nhưng không hít vào được (khó thở vào); nhiệt nhập quá độ ở dinh khí, thì hít vào được nhưng không thở ra được (khó thở ra). Phong làm tổn thương bì mao, nhiệt làm tổn thương huyết mạch. Phong nhập vào phế, ắt gây ho, miệng khô sưng mãn (khó thở tức ngực), họng khô mà không khát, đôi khi đờm dãi đục có bọt khí, đôi khi sợ lạnh rét run. Sau cơn cơn sốt, huyết bị ngưng trệ, tích kết thành bọt mù, nôn ra đờm mù đặc như cháo. Bệnh mới mắc giai đoạn đầu thì có thể chữa được, để thành mù thì chết!</i> ”	

	MT8	Hiểu rõ Thể bệnh và bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Bệnh hung tý, khó thở ho khạc đờm dãi, ngực lưng đau, khí đoản, mạch thốn khẩu trầm mà trì, mạch bộ quan thương tiểu khẩn sắc, phương dùng qua lâu giới bạch bạch tửu thang chủ trị.</i> ”	
	MT9	Nắm vững Nguyên tắc điều trị, ý nghĩa, nguyên lí điều trị đàm ẩm trong kinh văn: “ <i>Bệnh đàm ẩm, phải dùng ôn dược để hòa</i> ”	
	MT10	Hiểu rõ Thể bệnh và Tính chất bệnh, bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Người bệnh chi ẩm ở vùng hoành cách mô, thì khó thở, ngực đầy chướng, vùng dưới tâm thấy đầy chướng cứng, sắc mặt đen xám, mạch trầm khẩn, đã bị bệnh vài mươi ngày, thầy thuốc cho dùng phép tả, phép hạ mà không khỏi, dùng bài mộc phòng kỷ thang chủ trị. Trường hợp hư bĩ thì bệnh khỏi ngay (vì không có kết tụ). Nếu là thực chứng thì 3 ngày sau lại tái phát (vì có vật thực), cho uống tiếp mộc phòng kỷ thang thì không khỏi, phải dùng bài mộc phòng kỷ thang khứ thạch cao gia phục linh mang tiêu thang chủ trị.</i> ”	
Ôn bệnh	MT 1	Hiểu rõ Chứng phong ôn hình thành như thế nào, đặc điểm chứng hậu khi mới phát bệnh có gì và cách chữa.	
	MT 2	Nắm vững cách truyền thuận và nghịch của Chứng phong ôn, Chứng trạng và cách chữa của nó	
	MT 3	Trình bày chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Phong ôn lưu ở biểu	
	MT 4	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng NHIỆT THỊNH VÔ HÌNH trong Nhiệt ở Dương Minh của Phong ÔN	
	MT 5	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Xuân Ôn	
	MT 6	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Nhiệt ở Thiếu dương đờm kinh trong Xuân Ôn	
	MT 7	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thấp Ôn	
	MT 8	Hiểu rõ chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng thấp lãn át vệ khí trong THẤP ÔN	
	MT 9	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thử Ôn	
	MT 10	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Tân dịch và chứng khi sáp	

	thoát trong thử ôn	
--	--------------------	--

3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Tác phẩm kinh điển bao gồm bốn tác phẩm y học cổ đại nổi tiếng còn được gọi là “Tứ đại kinh điển”, gồm có Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược và Ôn bệnh.

“Nội kinh” hay còn gọi là “Hoàng đế nội kinh” ra đời cách đây hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trong thời kỳ Chiến Quốc. Là bộ sách đầu tiên và là một kiệt tác kinh điển nổi tiếng nhất. Có sớm nhất nói về y học. “Hoàng đế nội kinh” đã luận thuật một cách tung đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ truyền. “Hoàng đế nội kinh” đã đặt nền móng cho sự phát triển của Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong “Hoàng đế nội kinh” vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. “Hoàng đế nội kinh” là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

“Thương hàn tạp bệnh luận” bao gồm 16 cuốn (10 cuốn là Thương hàn luận và 6 cuốn là Kim quỹ yếu lược). Nếu Kim quỹ yếu lược chuyên sâu về tạp bệnh (các bệnh nội khoa) thì Thương hàn luận chuyên sâu về thời bệnh (những bệnh truyền nhiễm), lấy lục kinh biện chứng làm cơ sở y lý để biện chứng luận trị. Cho dù dành chủ yếu cho điều trị các bệnh truyền nhiễm nhưng những phương thang trong Thương hàn luận được nhiều thế hệ các thầy thuốc y học cổ truyền của nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... vận dụng trong điều trị các bệnh nội khoa đã thu được hiệu quả cao. Trương Trọng Cảnh (Nhà danh y của nền Y học cổ truyền Trung Quốc) được suy tôn là Trọng Thánh là tác giả của bộ sách Thương hàn tạp bệnh luận. Với sự ra đời gần hai thiên niên kỷ tới nay bộ sách vẫn còn nguyên giá trị về y lý y học cổ truyền và thực tiễn lâm sàng.

Hàn lâm Học sĩ Vương Chu tại quán khách phát hiện ra Trọng cảnh Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương gồm 3 quyển: quyển Thượng là Thương hàn, quyển Trung là Tạp bệnh, quyển hạ là Các phương pháp điều trị phụ khoa. Đối với Kim quỹ yếu lược cũng có nhiều chú thích khác nhau như: do thời gian quyển sách hiện hành này đầu tiên Vương Chu phát hiện nhưng trải qua hiệu đính của các thời đại, nên mỗi tác giả có phần chú thích riêng; tại sao có tên là Kim quỹ ngọc hàm phương mà không gọi là Thương hàn tạp bệnh luận, nguyên do người xưa gọi những cuốn sách quý là “Kim quỹ” hoặc “Ngọc hàm”.

Vì vậy Hàn thư cao kỹ như hầu nói: “Kim quỹ do kim đằng dã” giải thích rằng lấy vàng làm hàm, giữ gìn bảo vệ các nghĩa. Vì thế ta nói Thương hàn tạp bệnh luận là tên gốc của sách Trọng cảnh. “Kim quỹ” và “Ngọc hàm” là tên gọi vinh dự của người đời tán thưởng sách Trọng cảnh. Vì vậy nhiều tác giả gọi Thương hàn luận là Ngọc hàm cũng là lý do đó.

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh là một trong các phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính nhiệt như: Nóng, khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều, họng táo, tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, hôn mê, nói nhảm, co giật, mạch sắc...vv. Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị. Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một địa phương bị bệnh như nhau gọi là dịch. Ôn bệnh là do ôn tà gây nên, nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh.

Nắm được biện chứng của Ôn bệnh giúp các bác sĩ YHCT có phương pháp điều trị tốt đối với các bệnh Truyền nhiễm hiện nay. Kết hợp nhuần nhuyễn YHHĐ và YHCT sẽ đưa lại hiệu quả điều trị cao trong chuyên khoa Truyền nhiễm.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nội kinh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Thương hàn luận, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Kim Quỹ Yếu lược, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Ôn bệnh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

6. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Thực hành/ lâm sàng:

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt %

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ). Đánh giá theo thang điểm 10 (đối với chương trình đào tạo chuyên khoa 1, chuyên khoa 2).

8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số %

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn

Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số %

- Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm

Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với SV	
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Nội kinh	Chương I: Dưỡng sinh	2	0	0	2		
	Chương II: Học thuyết âm dương, ngũ hành	2	0	0	2		
	Chương III: Học thuyết tạng tượng	2	0	0	2		
	Chương IV: Học thuyết Kinh lạc	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh năng	2	0	0	2		
	Chương VI: Chẩn Pháp	2	0	0	2		
	Chương VII: Phép tắc trị liệu	2	0	0	2		

	Chương VIII: Ngũ Vận – Lục khí	2	0	0	2		
Thương hàn luận	Đại cương về thương hàn luận	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái dương (bàng quang tiểu trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu dương (đờm, tam tiêu)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Dương minh (vị, đại trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái âm (tỳ, phế)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu âm (tâm, thận)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Quyết âm (can, tâm bào)	2	0	0	2		
Kim quỹ yếu lược	Chương I: Mạch chứng tiên hậu bệnh tạng phủ kinh lạc Chương II: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh thấp và trúng thử	1	0	0	1		
	Chương III: Cách chữa bệnh bách hợp; hồ hoặc, âm độc Chương IV: Mạch chứng và cách chữa bệnh ngược (sốt rét)	1	0	0	1		
	Chương V: Mạch chứng và cách chữa bệnh trúng phong, lịch tiết phong Chương VI: Mạch chứng và cách chữa bệnh huyết tý hư lao	1	0	0	1		
	Chương VII: Mạch chứng và cách chữa các bệnh phế nuy, phế ung và ho thở khí đưa lên Chương VIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh bồn độn khí	1	0	0	1		
	Chương IX: Mạch chứng và cách chữa bệnh hung tý, tâm thống và đoán khí Chương X: Mạch chứng và cách chữa bệnh phúc mãn, hàn sán và túc thực	1	0	0	1		

	Chương XI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phong hàn tích tụ ở ngũ tạng Chương XII: Mạch chứng và cách chữa bệnh đàm ẩm, khái khẩu	1	0	0	1		
	Chương XIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh tiêu khát, bệnh lâm Chương XIV: Mạch chứng và cách chữa bệnh thủy khí	1	0	0	1		
	Chương XV: Mạch chứng và cách chữa bệnh hoàng đản Chương XVI: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh quý, thổ nục, hạ huyết, ngực đầy, ứ huyết	1	0	0	1		
	Chương XVII: Mạch chứng và cách chữa bệnh ẩu thổ, uế, hạ lợi Chương XVIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh sang ung, trường ung, tẩm dâm bệnh	1	0	0	1		
	Chương XIX: Mạch chứng và cách chữa bệnh phu quyết, sưng đau ngón tay cánh tay, chuyển cân, hồ sán, hồi trùng Chương XX: Mạch chứng và cách chữa bệnh thai nghén ở phụ nữ	1	0	0	1		
	Chương XXI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phụ nữ sau đẻ Chương XXII: Mạch chứng và cách chữa tạp bệnh ở phụ nữ	1	0	0	1		
Ôn bệnh	Chương I: Bệnh phong ôn	2	0	0	2		
	Chương II: Bệnh xuân ôn	2	0	0	2		
	Chương III: Bệnh thử ôn	2	0	0	2		
	Chương IV: Bệnh thấp ôn	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh phụ thử	2	0	0	2		
	Chương VI: Bệnh thu táo	2	0	0	2		
	Chương VII: Ôn độc	2	0	0	2		
	Chương VIII: Ôn dịch	2	0	0	2		
	Chương IX: Đông ôn	2	0	0	2		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 10.

Thông tin về giảng viên

- **Họ và tên: PGS.TS Vũ Nam**

- **ĐT:0978163646**

- **Email:**

- **Họ và tên: PGS.TS Phạm Quốc Bình**

- **ĐT 0912757262**

- **Email: phamquocbinh68@gmail.com**

- **Họ và tên: GS.TS Trương Việt Bình**

- **ĐT 0369688688**

- **Email:**

- **Họ và tên: TS Trần Thị Hồng Ngãi**

- **ĐT 0915009672**

- **Email: Ngaidytw72@yahoo.com**

- **Họ và tên: TS Nguyễn Duy Tuân**

- **ĐT 0828991883**

- **Email: tuanzibi@gmail.com**

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)**

KHOA/BỘ MÔN



Trần Thị Hồng Ngãi

Hà Nội, ngày tháng năm 202..0

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: THẠC SĨ, Mã số đào tạo: 8720115
Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Việt: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Thạc sĩ
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Thực hành: 30 tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CĐR 5, CĐR 11, CĐR14	3
MT2	Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CĐR 5, CĐR 11,	3
	Kỹ năng		
MT3	+ Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu + Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CĐR 5, CĐR 11, CĐR14	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	+ Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CĐR 5, CĐR 11, CĐR14	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CĐR14	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CLO1: Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
MT2: Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CLO2: Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy
Kỹ năng	
MT3: - Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu - Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CLO3: Viết được mục tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng

MT4 + Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CLO4 : Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định) và giảng thử
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CLO5: Thể hiện 4 vai trò của kế hoạch bài giảng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	3				
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu			3	3	3
Thiết kế kế hoạch bài giảng			3	3	3
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập			3		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	3		3	3
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	3		3	3

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều

kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4				4		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4				4		
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4				4		
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4				4		
Thiết kế kế hoạch bài giảng	4				4		
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4				4		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3				3		
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3				3		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu tham khảo (TLTK) 4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học

(2) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(3) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(4) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(5) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)	
		Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
		LT	KT	BT	TL	Khác		
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4					4	
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4					4	
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4					4	
4	Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4					4	

5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4					4
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4					4
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3					3
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3			3		3

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tình cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi viết tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 4.0 điểm trở lên

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

MhM
TS. *Dương Minh Châu*

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: THẠC SĨ, Mã số đào tạo: 8720115
Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- * Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Thạc sĩ
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Thực hành: 30 tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học	CĐR2, CĐR11, CĐR14, CĐR15	3
MT2	Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học	CĐR 2, CĐR 11,	3
	Kỹ năng		
MT3	- Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp - Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.	CĐR2, CĐR11, CĐR14, CĐR15	3
MT4	- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.	CĐR2, CĐR11, CĐR14, CĐR15	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề	CĐR14, CĐR15	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1: Phân tích được ưu và nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu và ứng dụng
MT2: Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học	CLO2: Xác định rõ vai trò ý nghĩa của thể lệ đăng bài của tạp chí khoa học và cách viết coogn bố khoa học
Kỹ năng	
MT3: - Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp - Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.	CLO3: - Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp với biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số của 01 đề tài
MT4 - Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.	CLO4 : Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu (giả định)
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT5: Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề	CLO5: Thể hiện tính trung thực, đạo đức nghiên cứu trong đề cương nghiên cứu khoa học
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	3				
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	3				
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	3				
Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.			3	3	3
Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế			3	3	3
Công cụ thu thập thông tin			3		
Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3	3		3	3
Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học, công bố khoa học	3	3		3	3
Thực hành phân tích số liệu trên phần mềm SPSS.			3	3	3
Thực hành viết được một đề cương nghiên cứu				3	3
Thực hành viết được một báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học y học và công bố	3	3		3	3

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	4				4		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	4				4		
Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	4				4		
Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4				4		
Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế	4				4		
Công cụ thu thập thông tin	4				4		

Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3				3		
Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học, công bố khoa học	3				3		

8. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương Pháp nghiên cứu khoa học (tài liệu lưu hành nội bộ).

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học và sức khỏe cộng đồng. NXB Y học 2004.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2008). XÁC SUẤT THỐNG KÊ, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Giáo trình lý thuyết dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học Y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Trương Việt Dũng (2017), Nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Tự học (Giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	KT	BT	TL	Khác		
1	Thiết kế nghiên cứu khoa học;	4					4	

	Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát						
2	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	4					4
3	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	4					4
4	Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4					4
5	Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế	4					4
6	Công cụ thu thập thông tin	4					4
7	Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3					3
8	Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học	3			3		3

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- *Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].*

- *Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]*

- *Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5*

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐDR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm đánh giá kết thúc học phần từ 4.0 trở lên

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Lưu Minh Châu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ THUYẾT PHƯƠNG TẾ LÂM SÀNG

Đối tượng đào tạo: Thạc sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Phương tế học lâm sàng
- * Tiếng Việt: *Phương tế học lâm sàng*
- * Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical
- Mã học phần/ mô đun: HVPT
- Số tín chỉ: 01 LT (15 tiết), 01 LS (45 tiết)
- Đối tượng học: năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Y lý YHCT, Đông dược, Bệnh học Nội YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành:

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: ... tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tế

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1.	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com
----	-------------------------	------------	----------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT 1	<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc + Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc + So sánh được phương thuốc cùng nhóm 	3, 6	Bloom 2001 Bậc 2 Bloom 2001 Bậc 3 Bloom 2001 Bậc 4
MT2	Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	7	Dave 1975 bậc 4
MT3	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	11,16	Krathwohl bậc 3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
-------------------	------------------

Kiến thức	
MT1: Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc	<p>CĐR(3): Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, lý luận YHCT và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo YHCT kết hợp với YHHĐ</p> <p>CĐR (6): Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn</p>
MT2: Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT	
MT3: Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc	
MT4: So sánh được phương thuốc cùng nhóm	
Kỹ năng	
MT1: Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	CĐR (7): thực hành thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh, phục hồi sức khỏe cho người bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp YHHĐ.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	<p>CĐR (11): có kỹ năng tự học, khả năng thực hiện độc lập đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.</p> <p>CĐR (16): tinh thần tập thể, thái độ sẵn sàng tham gia các công tác chuyên môn để phục vụ các yêu cầu của cộng đồng.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR3	CĐR6	CĐR7	CĐR11	CĐR16
CHƯƠNG 1					
Nguyên tắc trị liệu YHCT	3	3	3	3	3

Phương thuốc giải biểu					
Phương thuốc thanh nhiệt					
CHƯƠNG 2	3	3	3	2	2
Phương thuốc hoà giải					
Phương thuốc ôn lý					
Phương thuốc trừ phong					
Phương thuốc trừ thấp					
Phương thuốc trừ phong thấp					
CHƯƠNG 3	3	3	3	2	2
Phương thuốc an thần					
Phương thuốc cố sáp					
Phương thuốc lý khí					
Phương thuốc lý huyết					
Phương thuốc trừ đàm					
CHƯƠNG 4	3	3	3	2	2
Phương thuốc bổ					

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT			
Chương 1: Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt	04					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

Chương 2: Phương thuốc hoà giải- Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong- Phương thuốc trừ thấp- Phương thuốc trừ phong thấp	04						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Chương 3: Phương thuốc an thần- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm	04						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Chương 4: Phương thuốc bổ	04						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập (Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo

1. 中甲 (2021), 方学. 新世 - 全国高等中医院校划教材, 供中医用. 中国中医出版社.

Đặng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y dược trong toàn quốc- Thế kỷ mới. Hải thượng Y tông tâm lĩnh - NXB Y Học 2008

2. - 彭仁 (2015), 中医方大辞典, 人民生出版社.

Bành Hoài Nhân (1994). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

3. Viện y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tễ học giảng nghĩa*, Nhà xuất bản Y học.

4. Trần Văn Bản (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	KT	BT	TL	Các hình thức khác	
1	Nguyên tắc trị liệu YHCT Phương thuốc giải biểu Phương thuốc thanh nhiệt	04					
2	Phương thuốc hoà giải Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong Phương thuốc trừ thấp Phương thuốc trừ phong thấp	04					
3	Phương thuốc an thần Phương thuốc cố sáp	04					

	Phương thuốc lý khí						
	Phương thuốc lý huyết						
	Phương thuốc trừ đàm						
4	Phương thuốc bổ	04					
	TỔNG	16					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tiểu luận	100%		3, 6, 7, 11, 16

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS Trần Thị Thu Vân

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHÂM CỨU**

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 Tín chỉ (LT 1; TH 1)
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ YHCT
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
+ Lý thuyết: 15 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn CHÂM CỨU

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	
3	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	PGS.TS Phạm Hồng Vân	0904306556	Châm cứu	
6	TS.Trần Phương Đông	0904292273	Châm cứu	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngộ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngộ lưu trú pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện 	CĐR 5	
2	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu 	CĐR9, CĐR10, CĐR11	
3	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	CĐR 15, CĐR 16, CĐR 17	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

ngộ lưu trú, Phương pháp bổ tả							
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ắt kinh, Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		
	LT	TH	BT/TL/KT				
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	04						
Chuyên đề 2: Tỷ ngộ lưu trú, Phương pháp bổ tả	04						
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ắt kinh, Châm cứu	04						

Đại thành							
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	03						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy CHÂM CỨU, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. **Bách khoa thư bệnh học**, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. **Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng**, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, Châm cứu Giáp ất kinh**, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, Châm cứu Giáp ất kinh**, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

5. **Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang** , Châm cứu học sau đại học, Nhà xuất bản Y học 1997.

6. **Nguyễn Tử Siêu**, Hoàng đế nội kinh tổ vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

7. **Phan Quan Chí Hiếu**, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	04					
Chuyên đề 2: Tý ngộ lưu trú, Phương pháp bổ tả	04					
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm	04					

cứu giúp ất kinh, Châm cứu Đại thành						
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	03					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần		Tham gia tối thiểu 80% số tiết buổi giảng lý thuyết trên lớp	CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Tiểu luận	100%		CĐR .. đến CĐR

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
 ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
CHÂM CỨU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 11 tháng 10 năm 2021

của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Thạc sỹ YHCT, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sỹ YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	PGS.TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p>2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện 	<p>CĐR 5</p>	
	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp 	<p>CĐR9, CĐR10, CĐR11</p>	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu		
	Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR 15, CĐR 16, CĐR 17	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp	CĐR5

<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện. 	
Kỹ năng	
<p>MT3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu 	<p>CDR9, CDR10, CDR11</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT3</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	<p>CDR 15, CDR 16, CDR 17</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR5	CDR9	CDR10	CDR11	CDR15	CDR16	CDR17
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Tỷ ngộ lưu trú, Phương pháp bổ tả	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh, Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Châm	3	3	3	3	3	3	3

tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy							
---	--	--	--	--	--	--	--

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn thực hành phương pháp bóp tả đơn trong CHÂM CỨU	04		
Hướng dẫn thực hành phương pháp bóp tả phối hợp trong CHÂM CỨU			
Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04		
Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh tọa	04		

Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU			
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. **Bách khoa thư bệnh học**, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. **Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng**, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. **Hoàng Phú Mật, Lê Quý Nguru và Lương Tú Vân dịch, Châm cứu Giáp ất kinh**, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. **Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang**, Châm cứu học sau đại học, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. **Nguyễn Tử Siêu**, Hoàng đế nội kinh tổ vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. **Phan Quan Chí Hiếu**, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04				
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong CHÂM CỨU					
Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04				
Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04				

Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh tọa	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phân/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng Tiền lâm sàng chuẩn bị đầy đủ dụng cụ: giường XBBH, thảm tập dưỡng sinh, máy tính, máy chiếu, bảng, phấn...

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Thực hành/Lâm sàng 100% số buổi . Mỗi tuần nộp 2 bệnh án

12. Phương pháp đánh giá học phân

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phân/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	30%		CDR ...

2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng		
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)	70%	CĐR .. đến CĐR

Hà Nội, ngày tháng năm 20....


BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Đức Hữu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
BỘ Y TẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHÂM CỨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 11 tháng 10 năm 2021

của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Thạc sỹ YHCT, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sỹ YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
				X		

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	PGS.TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p>2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện 	<p>CDR 5</p>	
	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp 	<p>CDR9, CDR10, CDR11</p>	

<p>2</p> <p>Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2]</p> <p>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CDR của CTĐT (X.x.x) [3]</p> <p>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4]</p> <p>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu</p>		
	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	<p>CDR 15, CDR 16, CDR 17</p>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
<p>MT1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý nhị lưu trí và một số quy tắc của Tý nhị lưu trí pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp 	<p>CDR5</p>

- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện.	
Kỹ năng	
MT3: - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CĐR9, CĐR10, CĐR11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3 Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR 15, CĐR 16, CĐR 17

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR5	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR15	CĐR16	CĐR17
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Tỷ lệ lưu trú, Phương pháp bổ tả	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh, Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu	3	3	3	3	3	3	3

thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy							
---	--	--	--	--	--	--	--

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phân thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04		
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong CHÂM CỨU			
Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04		
Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh tọa	04		

Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU			
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04		
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

Bjordal JM, Klovning A, Lopes-Martins RA, Roland PD, Joensen J, Slordal L. *Overviews and systematic reviews on low back pain.* Ann Intern Med, 2008;148(10):789-90.

Bringmann W. *Laser therapy. Light can heal.* Own publisher; 1. Edition 2000.

Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1994), *Nghiên cứu thiết kế, thử nghiệm và đánh giá tác dụng của các thiết bị laser châm.* Thông tin trang thiết bị y tế, No21, tr 31 – 34.

Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng.* WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

Huỳnh Minh Đức (dịch), Linh – Khu, Nhà xuất bản Đồng nai 1990.

Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

Jacques Elias (1996), *Laser, châm cứu laser, liệu pháp kết hợp*, Cẩm nang châm cứu và liệu pháp laser thực hành, Nhà xuất bản y học, tr 38 – 52.

King CE et al (1990), *Effect of helium-neon auriculotherapy on experimental pain threshold*, Physical Therapy, vol 37, No1, pp 24 – 30.

Lê Huy Tuấn (2011), *Công nghệ và thiết bị laser - điện từ trường ứng dụng trong y học*, Hội thảo khoa học công nghệ - Bệnh viện Châm cứu trung ương, tháng 4/2011, tr 2 – 10.

Lê Nhân Sỹ, Nguyễn Thành Phước (1994), *Kết quả điều trị liệt thân kinh 7 ngoại biên bằng laser bán dẫn hồng ngoại tại bệnh viện YHCT Đồng Tháp*, Báo cáo sơ kết đề tài nghiên cứu 1993 – 1994, Sở Y tế Đồng Tháp 12/1994.

Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang , Châm cứu học sau đại học, Nhà xuất bản Y học 1997.

Nguyễn Tài Thu, Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy, Bộ y tế, Bệnh viện châm cứu trung ương 2005

Nguyễn Tài Thu, Nghiên cứu châm tê trong phẫu thuật, Hội Đông Y Việt Nam 1975.

Nguyễn Tài Thu, Sémiologie – Thérapeutique – Analgésie en acupuncture, Viện châm cứu Việt nam 1984.

Nguyễn Bá Quang, Influence de l'etro - Acupuncture des point 4GI, 6MC, 17TK, 12E sur l'activite' e'le' tro - encephalographique et le taux se'rique de catecholamines et d'acetylcholine chez le lapain, Revue Français de Medecine Traditional Chinoise (1999), tr 172-175

Nguyễn Bá Quang, Điều trị di chứng Viêm não Nhật Bản sau giai đoạn Cấp bằng Điện châm, Tạp chí Y Dược học Quân sự - HVQY (2004), tr 113-119

Nguyễn Bá Quang, Nghiên cứu hàm lượng Beta-Endorphin trong máu và điện não đồ ở bệnh nhân nghiện ma túy được điều trị bằng phương pháp Điện châm, Tạp chí Sinh lý học (2004), tr 48-53

Nguyễn Bá Quang, Nghiên cứu tác dụng của Điện mẫn châm phục hồi chức năng vận động của ngón tay cái trên bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não, Tạp chí Châm cứu Việt Nam (2004), tr 39-45

Nguyễn Bá Quang, Điều trị cao Huyết áp thể Can hòa vượng bằng điện châm, Tạp chí Y học thực hành (2004), tr 2-5

Nguyễn Tử Siêu, Hoàng đế nội kinh tổ vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

Nghiêm Hữu Thành, Nghiên cứu điện châm điều trị di chứng liệt, cai nghiện ma túy và châm tê phẫu thuật, đề tài KHCN 11-06B cấp nhà nước (2001)

Nghiêm Hữu Thành, Nghiên cứu sự thay đổi trên điện cơ đồ, phản xạ Blink – lâm sàng ở bệnh nhân liệt thân kinh VII ngoại biên do lạnh được điều trị bằng điện châm, đề tài cấp Bộ (2004)

Nghiêm Hữu Thành, Nghiên cứu thực trạng dùng thuốc và các biện pháp không dùng thuốc y học cổ truyền ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đề tài 64-228 KQNC cấp bộ (2008)

Nghiêm Hữu Thành, Nghiên cứu cơ sở khoa học của điện châm trong điều trị một số chứng đau, đề tài KC10/30-06-10 cấp nhà nước (2012)

Nghiêm Hữu Thành, Kỹ thuật châm và sử dụng máy điện châm trong châm tê mổ mắt và xoang, Tạp chí châm cứu Việt Nam (1994), tr 31-33

Nghiêm Hữu Thành, so sánh kết quả của lô châm tê và lô đối chứng trong châm tê mổ mắt và xoang, Tạp chí châm cứu Việt Nam (1994), tr 21-26

Nghiêm Hữu Thành, Nghiên cứu ảnh hưởng điện châm của các huyết Hợp cốc và Nội quan kết hợp với thuốc hỗ trợ lên điện não thỏ, Tạp chí châm cứu Việt Nam (1995), tr 11-15

Nguyễn Thị Tú Lan, Phan Ngọc Tiến (1993), *Đánh giá hiệu quả bước đầu điều trị hen phế quản bằng laser và điện từ trường*, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia lần 2 về ứng dụng laser và điện từ trường trong y học, Tp Hồ Chí Minh, 20 – 21/12/1993. tr 65 – 69.

Nguyễn Trọng Lưu (2006), *Điều trị bằng bức xạ laser*, Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng - Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, tr 73 – 81.

Pelts et al (1991), *Từ trường xuất hiện khi cho dòng điện chạy qua tay người*, Biophysika, vol 35, No1, pp 137 – 140 (tiếng Nga).

Phan Quan Chí Hiếu, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

Romberg H. *What are the effects of laser light?* CO MED. 11/2001: 27–33

Trần Thuý , Nguyễn Tài Thu ; cộng sự Nguyễn Bá Quang, Nghiêm Hữu Thành Châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, Nhà xuất bản Y học – Bộ Y tế 1996.

Trần Thuý và cộng sự (1993), *Phân tích ứng dụng laser trên huyết để điều trị giảm đau do ung thư*, tạp chí Y học Việt Nam, tập 39, No 7, tr132 – 137.

Tuner J, Hode L. *Laser Therapy: Clinical Practice and Scientific Background.* Gransgesberg, Sweden: Prima Books; 2002.

Viện đông y, Châm cứu học, Nhà xuất bản Y học 1984.

Weber M, Ruth M, Zenz M. *Examination of the efficiency of laser acupuncture for chronic lumbar spine disorders.*

Weber M. *Device for acupuncture by laser irradiation.* German utility patent 20309976.1, International PCT /DE 2004/000960

Weber M. *The new laserneedle acupuncture in clinical application.* World Journal of Traditional Chinese Orthopedics. 2004; No.1 Vol.6: 22

Zatsepina et al (1990), *Tác dụng của laser trên da, sự lan truyền điện thế dao động theo lớp tế bào đáy ở người và sự thay đổi điện trường của nó*, Biophysika, vol 35, No1, pp 115 – 116 (tiếng Nga)

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04				
Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong CHÂM CỨU					
Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04				
Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh tọa	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04				

Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04				
Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng Tiền lâm sàng chuẩn bị đầy đủ dụng cụ: giường XBBH, thảm tập dưỡng sinh, máy tính, máy chiếu, bảng, phấn...

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Thực hành/Lâm sàng 100% số buổi . Mỗi tuần nộp 2 bệnh án

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	30%		CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)	70%		CĐR .. đến CĐR

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ THUYẾT KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH

Đối tượng đào tạo: Cao học - ngành Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- * Tiếng Anh: Department of psychophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1 tín chỉ (15 tiết)
- Đối tượng học: Cao học - ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành:tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: ... tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com
4	TS Lê Thị Kim Dung	0979818222	quangtuyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.	CDR.1	
2	Kỹ năng : Kỹ năng: - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.	CDR2	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh. 		
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện	CĐR3	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	CĐR1: Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
MT2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
MT3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.
MT4: Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	3	3	3	3	3
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
4. vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chi đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh

và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
4. Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

Tổng							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập (Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

8.1. Tài liệu chính (TLC):

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYẾT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hương (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiệp (1977), *Thể dục phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4					
Buổi 2	2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4					
Buổi 3	3. Quan điểm của Hải Thượng	4					

	Lăn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.						
Buổi 4	4. Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	4					
	TỔNG						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm

 Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR... đến CĐR...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR... đến CĐR..

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

Ví dụ

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận	100%		CDR1 đến 15

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

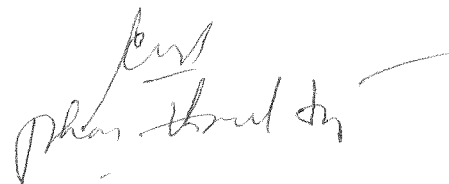
✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)

3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC HÀNH/LÂM SÀNG MÔN KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH

Đối tượng đào tạo: Cao học ngành YHCT
Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- * Tiếng Anh: Department of psychophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1 tín chỉ (30 tiết)
- Đối tượng học : Cao học ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết
 - + Lâm sàng: 15 tiết
 - + Bài tập: ... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: ... tiết
 - + Kiểm tra:.... tiết
 - + Thời gian tự học: ... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

Giảng viên			
1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.....	CĐR5	
2	Kỹ năng : - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CĐR5	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm :	CĐR5	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành - Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng 		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR(1): Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR2: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CĐR5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

Kỹ năng	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR6: Thực hành thành thạo Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR7: Thực hành thành thạo Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR8: Thực hành thành thạo Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR9: Hiểu được cơ bản một số động tác, hình thái KC, Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng	CĐR10: Thực hành thành thạo : Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành	CĐR11: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành
MT2: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng	CĐR12: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun
----------	-------------------------------

học phần/ mô đun	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR12
Luyện tư thế trong KC	3						
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công		3					
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở			3				
Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở				3			
Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.					3		
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh						3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chi đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng	
	LT	TH	BT/TL/KT			
1: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn
2: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện thở
3: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện ý
4: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.
5: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện

							động tác chống xơ xướng.
6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về:

Buổi 1	1: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 2	2: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 3 ...	3: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 4	4: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 5	5: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 6	6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 7	7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 8	8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 9	9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 10	Thi TH/LS					4	
	TỔNG						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ x Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng x
Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập x

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR... đến CDR...

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt CDR 1, 2, 3, ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR... đến CDR...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

Ví dụ

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

- Hình thức thi: hỏi thi trên lâm sàng
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Ví dụ

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành/lâm sàng	100%		CĐR 1 đến 12
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	(hình thức thi...)	100%		CĐR 1 đến 12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

ky
Phan Thanh h

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT., Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu

* Tiếng Anh: Resuscitation

- Mã Học phần/ Môn học: HVHS

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết

* Thực hành: 90 tiết

* Bài tập: tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

* Kiểm tra: tiết

- Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn HSCC & chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com
3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com

4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhstc@gmail.com
----	--------------------	------------	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
MT2	Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
Kỹ năng			
MT3	Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
MT4	Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	

MT1: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	CLO1: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu
MT2: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	CLO 2: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).
Kỹ năng	
MT3: Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	CLO 3: Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu.
MT4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CLO4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 5: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Khó thở cấp	3	3	3	3	2
Đau ngực cấp ở người lớn	3	3	3	3	2
Rối loạn ý thức và hôn mê	3	3	3	3	2

Xử trí tăng kali máu/ suy thận	3	3	3	3	2
Điện giải và khí máu	3	3	3	3	2
Đau bụng cấp	3	3	3	3	2
Rối loạn nhịp tim và huyết động	3	3	3	3	2
Xuất huyết tiêu hóa	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	2
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	2
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	2
Xuất huyết não	3	3	3	3	2
Nhồi máu não	3	3	3	3	2
Sốc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	2
Hôn mê hạ đường huyết	3	3	3	3	2
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Hồi sức cấp cứu là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về một số bệnh cấp cứu thường gặp. Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định tình trạng cấp cứu, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị, Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/K T		
Khó thở cấp		8		8	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Đau ngực cấp ở người lớn		4		4	
Rối loạn ý thức và hôn mê		8		8	
Xử trí tăng kali máu/ suy thận		4		4	
Điện giải và khí máu		4		4	
Đau bụng cấp		8		8	
Rối loạn nhịp tim và huyết động		4		4	
Xuất huyết tiêu hóa		6		6	
Ngộ độc cấp		8		8	

Hôn mê tăng ALTT		4		4	4
Hôn mê tăng ALTT		4		4	4
Xuất huyết não		4		4	4
Nhồi máu não		8		8	8
Sốc nhiễm khuẩn		4		4	4
Hôn mê hạ đường huyết		4		4	4
Cơn tăng huyết áp		4		4	4
Phù phổi cấp		4		4	4

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hồi sức cấp cứu (2009), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đỉnh và cộng sự, nhà xuất bản y học.
- Hồi sức cấp cứu (2002), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
- Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập
- Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Làm sản g	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Khó thở cấp	8					8
2.	Đau ngực cấp ở người lớn	4					4
3.	Rối loạn ý thức và hôn mê	8					8
4.	Xử trí tăng kali máu/ suy thận	4					4
5.	Điện giải và khí máu	4					4
6.	Đau bụng cấp	8					8
7.	Rối loạn nhịp tim và huyết động	4					4

8.	Xuất huyết tiêu hóa	6				6
9.	Ngộ độc cấp	8				8
10.	Hôn mê tăng ALTT	4				4
11.	Hôn mê tăng ALTT	4				4
12.	Xuất huyết não	4				4
13.	Nhồi máu não	8				8
14.	Sốc nhiễm khuẩn	4				4
15.	Hôn mê hạ đường huyết	4				4
16.	Cơn tăng huyết áp	4				4
17.	Phù phổi cấp	4				4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO8

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Phú

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT., Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
- * Tiếng Anh: Resuscitation
- Mã Học phần/ Môn học: HVHS
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC& chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com

3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	<u>theanhstc@gmail.com</u>

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
MT2	Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
MT3	Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
	Kỹ năng		
MT4	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
MT5	Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR8]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.</p> <p>MT2: Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).</p> <p>MT3: Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>	<p>CLO1: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.</p> <p>CLO2: Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).</p> <p>CLO3: Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>
Kỹ năng	
<p>MT4: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức</p> <p>MT5: Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>	<p>CLO4: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức</p> <p>CLO5: Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện</p>	<p>CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
---------------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3	3	3	3	3	2
Con tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3	3	3	3	3	2
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	3	2
Ngừng tuần hoàn	3	3	3	3	3	2
Suy hô hấp cấp	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh cấp cứu; hướng dẫn người học kỹ năng lập luận chẩn đoán và đưa ra nguyên tắc điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04			04		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành
Con tăng huyết áp	02			02		
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03			03		
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04			04		
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04			04		
Ngộ độc cấp	03			03		
Phù phổi cấp	03			03		

Ngừng tuần hoàn	02			02		nội quy học tập của lớp
Suy hô hấp cấp	02			02		
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04			04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hồi sức cấp cứu (2009), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đính và cộng sự, nhà xuất bản y học.
- Hồi sức cấp cứu (2002), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
- Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập
- Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					04
2.	Cơn tăng huyết áp	02					02
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03					03
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04					04
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04					04
6.	Ngộ độc cấp	03					03
7.	Phù phổi cấp	03					03
8.	Ngừng tuần hoàn	02					02
9.	Suy hô hấp cấp	02					02

10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04					04
-----	---	----	--	--	--	--	----

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
 Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 8]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020


BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Phú

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI HÔ HẤP (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT
Mã số đào tạo: Thạc sĩ ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội Hô hấp
- * Tiếng Anh: Internal Respiratory
- Mã Học phần/ Môn học: HVHH
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tế lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.
Kỹ năng	

MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội hô hấp thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Viêm phổi	3	3	3	2
Áp xe phổi	3	3	3	2
Hen phế quản	3	3	3	2
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	2
Tràn dịch màng phổi	3	3	3	2
Tràn khí màng phổi	3	3	3	2
Ung thư phổi	3	3	3	2
Ho ra máu	3	3	3	2
Giãn phế quản	3	3	3	2
Tâm phế mạn	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội hô hấp thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội hô hấp thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần Nội hô hấp phần lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Viêm phổi	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Áp xe phổi	2			2		
Hen phế quản	4			4		
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4			4		
Tràn dịch màng phổi	2			2		
Tràn khí màng phổi	2			2		
Ung thư phổi	4			4		
Ho ra máu	2			2		
Giãn phế quản	3			3		
Tâm phế mạn	3			3		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Viêm phổi	4					8
2.	Áp xe phổi	2					4

3.	Hen phế quản	4				8
4.	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4				8
5.	Tràn dịch màng phổi	2				4
6.	Tràn khí màng phổi	2				4
7.	Ung thư phổi	4				8
8.	Ho ra máu	2				4
9.	Giãn phế quản	3				6
10.	Tâm phế mạn	3				6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phân lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phân lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI HÔ HẤP (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT
Mã số đào tạo: Thạc sĩ ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội Hô hấp
- * Tiếng Anh: Internal Respiratory
- Mã Học phần/ Môn học: HVHH
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/> X	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Thực hành: 90 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội hô hấp thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT4	Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội hô hấp thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT5	Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.

MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp	CLO 2 Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp
Kỹ năng	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội hô hấp thường gặp	CLO 3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội hô hấp thường gặp
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội hô hấp thường gặp	CLO4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội hô hấp thường gặp
MT5:Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp	CLO5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Chẩn đoán và điều trị Bn Viêm phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Áp xe phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Hen phế quản	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Trần dịch màng phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí Bn Trần khí màng phổi	3	3	3	3	3	2

Chẩn đoán và điều trị Bn Ung thư phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí Bn Ho ra máu	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Giãn phế quản	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Tâm phế mạn	3	3	3	3	3	2
Thực hiện kỹ năng chọc hút dịch màng phổi	3	3	3	3	3	2
Thực hiện kỹ thuật đo chức năng hô hấp	3	3	3	3	3	2
Thực hiện kỹ thuật làm khí máu động mạch	3	3	3	3	3	2
Kiến tập Nội soi phế quản	3	3	3	3	3	2
Kiến tập chọc hút tràn khí màng phổi	3	3	3	3	3	2
Kiến tập Nội soi màng phổi	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội hô hấp thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội hô hấp thường gặp. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Chẩn đoán và điều trị Bn Viêm phổi		4		4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Chẩn đoán và điều trị Bn Áp xe phổi		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị Bn Hen phế quản		8		8	8	
Chẩn đoán và điều trị Bn Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính		8		8	8	
Chẩn đoán và điều trị Bn Tràn dịch màng phổi		8		8	8	
Chẩn đoán và xử trí Bn Tràn khí màng phổi		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị Bn Ung thư phổi		8		8	8	

Chẩn đoán và xử trí Bn Ho ra máu	4	4	4
Chẩn đoán và điều trị Bn Giãn phế quản	6	6	6
Chẩn đoán và điều trị Bn Tâm phế mạn	4	4	4
Thực hiện kỹ năng chọc hút dịch màng phổi	8	8	8
Thực hiện kỹ thuật đo chức năng hô hấp	8	8	8
Thực hiện kỹ thuật làm khí máu động mạch	4	4	4
Kiến tập Nội soi phế quản	4	4	4
Kiến tập chọc hút tràn khí màng phổi	4	4	4
Kiến tập Nội soi màng phổi	4	4	4

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần n /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	

1.	Chẩn đoán và điều trị Bn Viêm phổi	4					4
2.	Chẩn đoán và điều trị Bn Áp xe phổi	4					4
3.	Chẩn đoán và điều trị Bn Hen phế quản	8					8
4.	Chẩn đoán và điều trị Bn Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	8					8
5.	Chẩn đoán và điều trị Bn Tràn dịch màng phổi	8					8
6.	Chẩn đoán và xử trí Bn Tràn khí màng phổi	4					4
7.	Chẩn đoán và điều trị Bn Ung thư phổi	8					8
8.	Chẩn đoán và xử trí Bn Ho ra máu	4					4
9.	Chẩn đoán và điều trị Bn Giãn phế quản	6					6
10.	Chẩn đoán và điều trị Bn Tâm phế mạn	4					4
11.	Thực hiện kỹ năng chọc hút dịch màng phổi	8					8
12.	Thực hiện kỹ thuật đo chức năng hô hấp	8					8
13.	Thực hiện kỹ thuật làm khí máu động mạch	4					4
14.	Kiến tập Nội soi phế quản	4					4
15.	Kiến tập chọc hút tràn khí màng phổi	4					4
16.	Kiến tập Nội soi màng phổi	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5
- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CDR 3 , CDR 7, CDR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

KHOA/BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIM MẠCH (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT
Mã số đào tạo: Thạc sĩ ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội Tim mạch
- * Tiếng Anh: Internal Cardiology
- Mã Học phần/ Môn học: HVTM
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
2.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CDR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.



Kỹ năng	
MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	3	3	3	2
Nhồi máu cơ tim	3	3	3	2
Bệnh hẹp, hở van hai lá	3	3	3	2
Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3	3	3	2
Viêm màng ngoài tim	3	3	3	2
Suy tim	3	3	3	2
Tăng huyết áp	3	3	3	2
Xơ vữa động mạch	3	3	3	2
Rối loạn chuyển hóa lipid máu	3	3	3	2
Viêm tắc tĩnh mạch	3	3	3	2
Suy tĩnh mạch chi dưới	3	3	3	2
Rối loạn nhịp tim	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tim mạch thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái

quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội tim mạch thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần Nội tim mạch phân lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	2			2	4	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nhồi máu cơ tim	2			2	4	
Bệnh hẹp, hở van hai lá	3			3	6	
Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3			3	6	
Viêm màng ngoài tim	2			2	4	
Suy tim	3			3	6	
Tăng huyết áp	4			4	8	
Xơ vữa động mạch	2			2	4	
Rối loạn chuyển hóa lipid máu	2			2	4	
Viêm tắc tĩnh mạch	2			2	4	
Suy tĩnh mạch chi dưới	2			2	4	
Rối loạn nhịp tim	3			3	6	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần		Giảng viên lên lớp (giờ)	
------	--	--------------------------	--

/buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Bệnh tim thiếu máu cục bộ	2					4
2.	Nhồi máu cơ tim	2					4
3.	Bệnh hẹp, hở van hai lá	3					6
4.	Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3					6
5.	Viêm màng ngoài tim	2					4
6.	Suy tim	3					6
7.	Tăng huyết áp	4					8
8.	Xơ vữa động mạch	2					4
9.	Rối loạn chuyển hóa lipid máu	2					4
10.	Viêm tắc tĩnh mạch	2					4
11.	Suy tĩnh mạch chi dưới	2					4
12.	Rối loạn nhịp tim	3					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm. Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phân lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận.

- Điểm phân lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

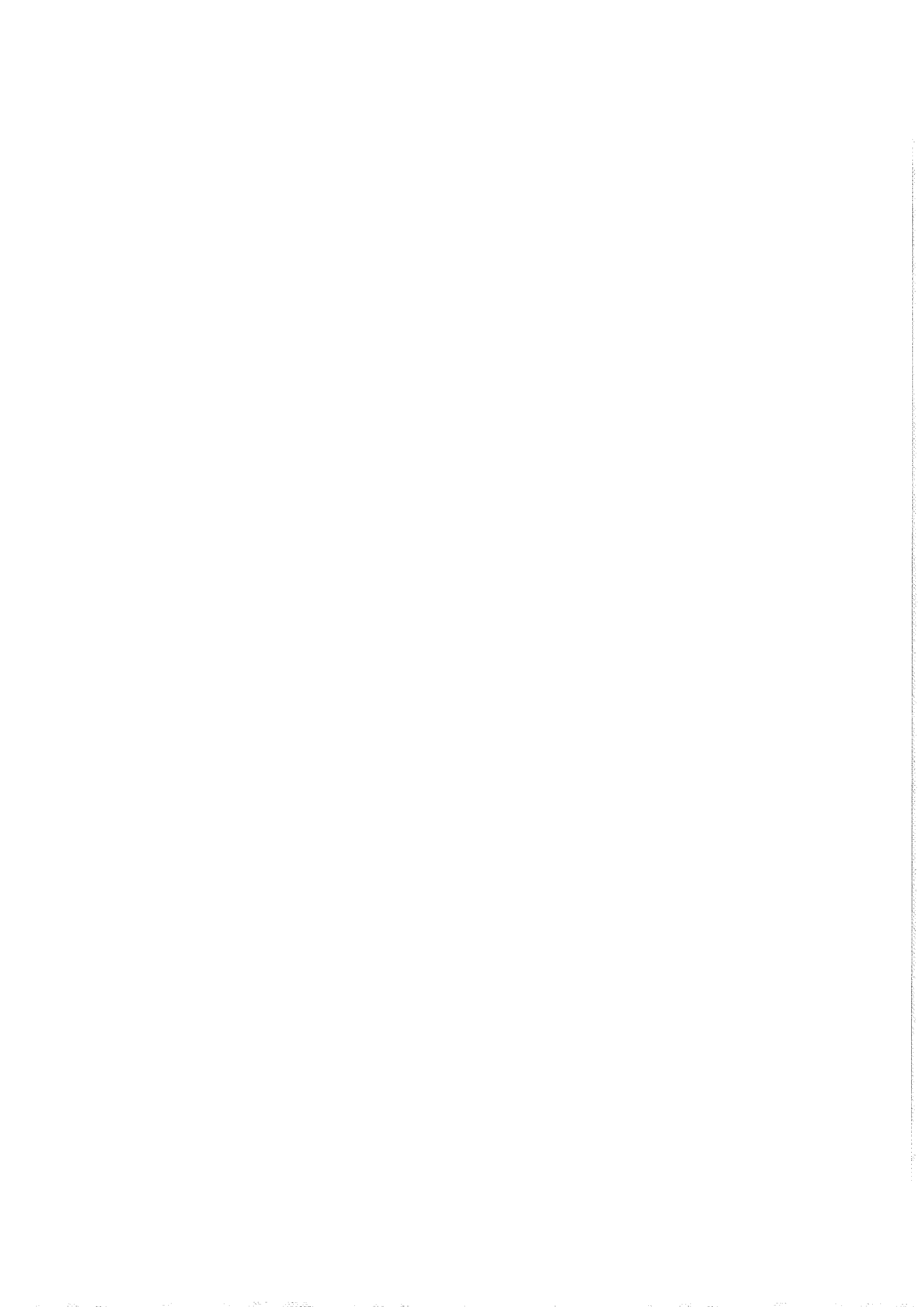
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư



Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIM MẠCH (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT
Mã số đào tạo: Thạc sĩ ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội Tim mạch
- * Tiếng Anh: Internal Cardiology
- Mã Học phần/ Môn học: HVHH
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/> X	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Thực hành: 90 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
2.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tim mạch thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT4	Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tim mạch thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT5	Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp	CLO 2 Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp
Kỹ năng	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tim mạch thường gặp	CLO 3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tim mạch thường gặp
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tim mạch thường gặp	CLO4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tim mạch thường gặp
MT5:Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp	CLO5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Bệnh án hẹp van hai lá	3	3	3	3	3	2
Bệnh án hở van động mạch chủ	3	3	3	3	3	2

Bệnh bệnh án hở van hai lá	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án hẹp van động mạch chủ	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án Rối loạn chuyển hóa lipid	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án Tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án suy tim (suy tim trái, suy tim phải, suy tim toàn bộ, suy tim tâm trương)	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án nhồi máu cơ tim	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án cơn đau thắt ngực	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án suy tĩnh mạch chi dưới	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án viêm tắc tĩnh mạch	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án viêm nội tâm mạc mạc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án nhồi máu não do tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án xuất huyết não do tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án rung nhĩ	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án ngoại tâm thu thất	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án bệnh tim thiếu máu cục bộ	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tim mạch thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch thường gặp. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/K T		
			Tổng cộng		

Bình bệnh án hẹp van hai lá	4	4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Bình bệnh án hở van động mạch chủ	4	4	4	
Bình bệnh án hở van hai lá	4	4	4	
Bình bệnh án hẹp van động mạch chủ	4	4	4	
Bình bệnh án Rối loạn chuyển hóa lipid	4	4	4	
Bình bệnh án Tăng huyết áp	6	6	6	
Bình bệnh án suy tim (suy tim trái, suy tim phải, suy tim toàn bộ, suy tim tâm trương)	16	16	16	
Bình bệnh án nhồi máu cơ tim	4	4	4	
Bình bệnh án cơn đau thắt ngực	4	4	4	
Bình bệnh án suy tĩnh mạch chi dưới	4	4	4	
Bình bệnh án viêm tắc tĩnh mạch	4	4	4	
Bình bệnh án viêm nội tâm mạc mạc nhiễm khuẩn	4	4	4	
Bình bệnh án nhồi máu não do tăng huyết áp	8	8	8	
Bình bệnh án xuất huyết não do tăng huyết áp	4	4	4	
Bình bệnh án rung nhĩ	4	4	4	
Bình bệnh án ngoại tâm thu thất	4	4	4	
Bình bệnh án cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất	4	4	4	
Bình bệnh án bệnh tim thiếu máu cục bộ	4	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Làm sẵn g	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Bình bệnh án hẹp van hai lá	4					4
2.	Bình bệnh án hở van động mạch chủ	4					4
3.	Bình bệnh án hở van hai lá	4					4
4.	Bình bệnh án hẹp van động mạch chủ	4					4
5.	Bình bệnh án Rối loạn chuyển hóa lipid	4					4
6.	Bình bệnh án Tăng huyết áp	6					6
7.	Bình bệnh án suy tim (suy tim trái, suy tim phải, suy tim toàn bộ, suy tim tâm trương)	16					16
8.	Bình bệnh án nhồi máu cơ tim	4					4
9.	Bình bệnh án cơn đau thắt ngực	4					4

10.	Bình bệnh án suy tĩnh mạch chi dưới	4					4
11.	Bình bệnh án viêm tắc tĩnh mạch	4					4
12.	Bình bệnh án viêm nội tâm mạc mạc nhiễm khuẩn	4					4
13.	Bình bệnh án nhồi máu não do tăng huyết áp	8					8
14.	Bình bệnh án xuất huyết não do tăng huyết áp	4					4
15.	Bình bệnh án rung nhĩ	4					4
16.	Bình bệnh án ngoại tâm thu thất	4					4
17.	Bình bệnh án cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất	4					4
18.	Bình bệnh án bệnh tim thiếu máu cục bộ	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

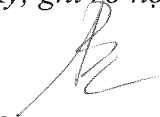
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIẾT CHUYÊN HÓA
(PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT
Mã số đào tạo: Thạc sĩ ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội tiết chuyển hóa
- * Tiếng Anh: Endocrine metabolism
- Mã Học phần/ Môn học: HVNT
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.BSCKII.Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CDR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	CLO2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.
Kỹ năng	

MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Cập Nhật chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	3	3	3	2
Hạ đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	3	3	3	2
Hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	3	3	3	2
Đái tháo đường thai kỳ	3	3	3	2
Đái tháo nhạt	3	3	3	2
Bệnh cường giáp	3	3	3	2
Hội chứng Cushing	3	3	3	2
Suy thượng thận cấp và mạn	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị suy giáp	3	3	3	2
Bệnh viêm tuyến giáp	3	3	3	2
Cường aldosterone tiên phát	3	3	3	2
Cường tuyến thượng thận	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần nội tiết chuyển hóa thường phần lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Cập Nhật chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	4			4	8	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Hạ đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường	2			2	4	
Chẩn đoán và xử trí hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	2			2	4	
Hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	2			2	4	
Đái tháo đường thai kỳ	3			3	6	
Đái tháo nhạt	2			2	4	
Bệnh cường giáp	3			3	6	
Hội chứng Cushing	2			2	4	
Suy thượng thận cấp và mạn	2			2	4	
Chẩn đoán và điều trị suy giáp	2			2	4	
Bệnh viêm tuyến giáp	2			2	4	
Cường aldosterone tiên phát	2			2	4	
Cường tuyến thượng thận	2			2	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.

5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Cập Nhật chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	4					8
2.	Hạ đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường	2					4
3.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	2					4
4.	Hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	2					4
5.	Đái tháo đường thai kỳ	3					6
6.	Đái tháo nhạt	2					4
7.	Bệnh cường giáp	3					6
8.	Hội chứng Cushing	2					4
9.	Suy thượng thận cấp và mạn	2					4
10.	Chẩn đoán và điều trị suy giáp	2					4
11.	Bệnh viêm tuyến giáp	2					4
12.	Cường aldosterone tiên phát	2					4
13.	Cường tùy thượng thận	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			

	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIẾT CHUYÊN HÓA
(PHẦN LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ YHCT
Mã số đào tạo: Thạc sĩ ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội tiết chuyển hóa
- * Tiếng Anh: Endocrine metabolism
- Mã Học phần/ Môn học: HVNT
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Thạc sĩ YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/> X	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Thực hành: 90 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.BSCKII.Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT4	Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tiết chuyển hóa thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT5	Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO 2 Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp
Kỹ năng	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO 3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tiết chuyển hóa thường gặp
MT5:Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	3	3	3	3	3	2

Chẩn đoán và xử trí hạ đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án đái tháo đường thai kỳ	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án biến chứng thần kinh ngoại vi/ đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị đái tháo nhạt	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án đái tháo nhạt	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Basedow	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án Basedow	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị suy giáp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án suy giáp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án suy thượng thận cấp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án suy thượng thận mạn	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án viêm tuyến giáp	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án Cường aldosterone tiên phát	3	3	3	3	3	2
Bệnh bệnh án Cường tùy thượng thận	3	3	3	3	3	2
Theo dõi đường máu mao mạch trên bệnh nhân đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Thăm khám bàn đầu bàn chân đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Giáo dục chăm sóc bàn chân đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Chăm sóc vết loét bàn chân ĐTD	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn

khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội tiết chuyển hóa. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật chăm sóc và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường		4		4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Chẩn đoán và xử trí hạ đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường		4		4	4	
Bệnh bệnh án hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường		4		4	4	
Bệnh bệnh án hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường		4		4	4	
Bệnh bệnh án đái tháo đường thai kỳ		4		4	4	
Bệnh bệnh án biến chứng thần kinh ngoại vi/ đái tháo đường		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị đái tháo nhạt		4		4	4	
Bệnh bệnh án đái tháo nhạt						
Chẩn đoán và điều trị Basedow						
Bệnh bệnh án Basedow		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị suy giáp						
Bệnh bệnh án suy giáp		4		4	4	
Bệnh bệnh án suy thượng thận cấp		4		4	4	
Bệnh bệnh án suy thượng thận mạn		4		4	4	
Bệnh bệnh án viêm tuyến giáp		4		4	4	

Bình bệnh án Cường aldosterone tiên phát		4		4	4
Bình bệnh án Cường tủy thượng thận		4		4	4
Theo dõi đường máu mao mạch trên bệnh nhân đái tháo đường		4		4	4
Thăm khám ban đầu bàn chân đái tháo đường		6		6	6
Giáo dục chăm sóc bàn chân đái tháo đường		4		4	4
Chăm sóc vết loét bàn chân ĐTD		8		8	8

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
5. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Làm sẵn	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	4					4
2.	Chẩn đoán và xử trí hạ đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường	4					4

3.	Bệnh án hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	4					4
4.	Bệnh án hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	4					4
5.	Bệnh án đái tháo đường thai kỳ	4					4
6.	Bệnh án biến chứng thần kinh ngoại vi/ đái tháo đường	4					4
7.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo nhạt	4					4
8.	Bệnh án đái tháo nhạt						
9.	Chẩn đoán và điều trị Basedow						
10.	Bệnh án Basedow	4					4
11.	Chẩn đoán và điều trị suy giáp						
12.	Bệnh án suy giáp	4					4
13.	Bệnh án suy thượng thận cấp	4					4
14.	Bệnh án suy thượng thận mạn	4					4
15.	Bệnh án viêm tuyến giáp	4					4
16.	Bệnh án Cường aldosterone tiên phát	4					4
17.	Bệnh án Cường tùy thượng thận	4					4
18.	Theo dõi đường máu mao mạch trên bệnh nhân đái tháo đường	4					4

19.	Thăm khám ban đầu bàn chân đái tháo đường	6					6
20.	Giáo dục chăm sóc bàn chân đái tháo đường	4					4
21.	Chăm sóc vết loét bàn chân ĐTD	8					8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Nguyễn Vinh Huy Chính
Chức danh, học hàm, học vị: BSCKII. Th.S
Thời gian, địa điểm liên hệ: Khoa Phục hồi chức năng – Bv Tuệ Tĩnh
Điện thoại: 0913321221 email: huychinhnghuyenvinh@gmail.com

1.2. Họ và tên giảng viên : Dương Thị Thúy Hòa
Chức danh, học hàm, học vị: BsCKI
Thời gian, địa điểm liên hệ: Khoa Phục hồi chức năng – Bv Tuệ Tĩnh
Điện thoại: 0915226238 email: bsthuyhoa@gmail.com

1.3. Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thúy
Chức danh, học hàm, học vị: Ths
Điện thoại: 0915363966 email: nguyenphuongthuy2809@gmail.com

1.4 Họ và tên giảng viên: Nguyễn Hoài Nam- GV BMPHCN Đại học Y HN
Chức danh, học hàm học vị: Tiến sĩ
Điện thoại: 0904247028

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Phục hồi chức năng Tên tiếng Anh: Rehabilitation Chair
- Mã học phần:
- Số tín chỉ (*lên lớp/ thực hành/tự học*): 2 LT/ 3TH (30 tiết LT/ 90 tiết TH)
- Áp dụng cho ngành đào tạo: YHCT
Bậc đào tạo: Thạc sĩ Hình thức đào tạo: Tập trung
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Đang theo học chương trình Thạc sĩ
- Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*):
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành tại: Các bệnh viện thực hành (có khoa Phục hồi chức năng): 90 tiết.
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phục hồi chức năng

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức:
 - + Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
 - + Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng

- + Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
- + Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
- Kỹ năng:
 - + Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
- + Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
- Thái độ:
 - + Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

- Nắm được các khái niệm chung trong Phục hồi chức năng
- Nêu được các phương pháp vật lý trị liệu, vận động trị liệu trong Phục hồi chức năng
- Khám lượng giá được mức độ tàn tật của bệnh nhân.
- Đưa ra bài tập, chế độ cụ thể với từng nhóm bệnh lý.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội. Lập kế hoạch PHCN cho từng bệnh cụ thể, từng giai đoạn giúp bệnh nhân độc lập tối đa trong sinh hoạt hằng ngày, hạn chế tối thiểu các thương tật thứ cấp, nâng cao chất lượng cuộc sống của người bệnh.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
I. Tổng quan về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	1.Vật lý trị liệu Các phương thức PHCN	04 tiết	Nắm được các phương thức trong phục hồi chức năng	Thuyết trình , thảo luận	Ths.BSCKII.Nguyễn Vinh Huy Chính. Tiến sĩ Nguyễn Hoài Nam
	2.Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04 tiết	Khám, lượng giá được người bệnh		
II. Phục hồi chức năng lâm sàng	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến	04 tiết	Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục	Thuyết trình , thảo luận	Ts. Nguyễn Hoài

	mạch máu não		hồi theo từng giai đoạn bệnh lý. Thực hành khám được bệnh nhân		Nam
	PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04 tiết			BSCKI. Dương Thị Thúy Hòa
	PHCN bệnh lý cơ xương khớp	04 tiết			Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy
	PHCN Bệnh lý phần mềm	04 tiết			Ths. BSCKII. Nguyễn Vinh Huy Chính
	PHCN Nhi khoa: Tụ ký- Bại não	04 tiết			
	Giải đáp thắc mắc	02 tiết			

6. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

- Giáo trình học tập: Phục hồi chức năng – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học
- Tài liệu tham khảo: Phục hồi chức năng – Đại học Y Hà Nội

Phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp- Nhà xuất bản Y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	1. Các phương thức Vật lý trị liệu	04 tiết			30 tiết		Chuẩn bị trước nội dung bài giảng tại tài liệu Phục hồi chức năng	
	2. Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04 tiết						
	3. PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04 tiết						

	4.PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04 tiết			30 tiết		Chuẩn bị trước nội dung bài giảng tại tài liệu Phục hồi chức năng	
	5.PHCN bệnh lý cơ xương khớp	04 tiết						
	6.PHCN Bệnh lý phần mềm	04 tiết						
	7.PHCN Nhi khoa: Tự kỷ- Bại não	04 tiết			30 tiết		Chuẩn bị trước nội dung bài giảng tại tài liệu Phục hồi chức năng	
	8.Giải đáp thắc mắc	02 tiết						
	Hỏi thi lâm sàng						Bệnh án	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

a. Lý thuyết

- Cách thức đánh giá: Học viên tham gia đầy đủ tất cả các buổi lý thuyết trên lớp
- Điểm đạt: > 4 điểm
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Đầy đủ 100%

b. Thực hành: Nghi có lý do không quá 01 buổi. Điểm thực hành từ 05 điểm.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Hình thức thi hết môn: **Làm tiểu luận.**

Hình thức thi lâm sàng: **Vấn đáp**

Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

**TRƯỞNG PHÒNG
SĐH**

**TRƯỞNG KHOA Y
LÂM SÀNG**

**PHỤ TRÁCH
HỌC PHẦN**



Nguyễn Vinh Huy Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 8 LT (120 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 72 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Tự học: 18 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CDR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC

chúng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại ương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	4	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	1	
4.	Tiện bí	4	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	4	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cột phong	4	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	4	8	2	0	15	1	
10.	Ma mịch	4	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	4	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	1	
	Tổng	72		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đản	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyền vụng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
TỔNG		72	0	0	34	18	138

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20
PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

PGS.TS Đoàn Quang Huy

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÂM SÀNG: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT**

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 17 LS (520 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 510 tiết

+ Lâm sàng: 510 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 34 tiết

+ Tự học: 480 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CDR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC

chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thông	4	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	1	
4.	Tiện bí	4	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	4	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cột phong	4	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thông	4	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	4	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	4	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	1	
	Tổng	72		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đản	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyễn vụng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
TỔNG		72	0	0	34	18	138

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN



PGS.TS Đoàn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT (PHẦN LÝ THUYẾT)
Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ ngành y học cổ truyền; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: HVNG
- Số tín chỉ: 8 TC lý thuyết + 17 TC thực hành
- Đối tượng học: Thạc sĩ ngành y học cổ truyền
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 885 tiết
- * Lý thuyết: 120 tiết
- * Thực hành: 765 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- * Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3	PGS. TS. Lê Lương Đống	091 3506029	leluongdongyh@gmail.com
4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com

5	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mươi	0979449588	md.hoatnuoi@gmail.com
6	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
7	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT2	Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	Kỹ năng		3
MT3	Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12. CĐR 13.	3
MT4	Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT5	Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		3
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học	CĐR17, CĐR 18 CĐR	3

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.		
MT7	Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CĐR 17, CĐR 18 CĐR19, CĐR20 CĐR 21	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CLO1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ CLO2: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.
MT2: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CLO3: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa
Kỹ năng	
MT3: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý	CLO4: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	lý ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh
MT4: Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CLO5: Vận dụng được kiến thức để đưa ra chính định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng phương pháp châm cứu và thuốc YHCT.
MT5: Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHD	CLO6: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHD điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	CLO7: Nhận thức về tầm quan trọng của điều trị bệnh lý ngoại khoa trên thực tế lâm sàng và Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
MT7: Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CLO8: Ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa tại Bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị. CLO8: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
-------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8
Bệnh lý Da liễu	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý Y học giới tính	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả Học phân/ Môn học

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết Học phân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bệnh lý Da liễu	24	153		177		Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan
Bệnh lý hậu môn trực tràng	24	153		177		
Bệnh lý Y học giới tính	33	153		177		
Bệnh lý tim mạch	15	153		168		
Bệnh lý tiết niệu	24	153		177		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Bệnh lý Da liễu	24					
Buổi 2							
Buổi 3							
Buổi 4							
Buổi 5							
Buổi 6							
Buổi 7	Bệnh lý hậu môn trực tràng	24					
Buổi 8							
Buổi 9							
Buổi 10							
Buổi 11							
Buổi 12							
Buổi 13	Bệnh lý Y học giới tính	33					
Buổi 14							
Buổi 15							
Buổi 16							
Buổi 17							
Buổi 18							
Buổi 19							
Buổi 20							
Buổi 21	Bệnh lý tim mạch	15					
Buổi 22							
Buổi 23							
Buổi 24							
Buổi 25	Bệnh lý tiết niệu	24					
Buổi 26							
Buổi 27							
Buổi 28							

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 29 Buổi 30							
	TỔNG	120					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, Học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Báo cáo thực hành	33,3%		CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc làm tiểu luận	66,7%		CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ)

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020
PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT (PHẦN LÂM SÀNG)
Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ ngành y học cổ truyền; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: HVNG
- Số tín chỉ: 8 TC lý thuyết + 17 TC thực hành
- Đối tượng học: Thạc sĩ ngành y học cổ truyền
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 630 tiết
- * Lý thuyết: 120 tiết
- * Thực hành: 510 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- * Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3	PGS. TS. Lê Lương Đồng	091 3506029	leluongdongyh@gmail.com
4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com

5	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mươi	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
6	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
7	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT2	Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	Kỹ năng		3
MT3	Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12. CĐR 13.	3
MT4	Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT5	Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		3
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tinh chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học	CĐR17, CĐR 18 CĐR	3

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.		
MT7	Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CDR 17, CDR 18 CDR19, CDR20 CDR 21	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CLO1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ CLO2: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.
MT2: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CLO3: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa
Kỹ năng	
MT3: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý	CLO4: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh
MT4: Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CLO5: Vận dụng được kiến thức để đưa ra chính định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng phương pháp châm cứu và thuốc YHCT.
MT5: Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CLO6: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	CLO7: Nhận thức về tầm quan trọng của điều trị bệnh lý ngoại khoa trên thực tế lâm sàng và Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
MT7: Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CLO8: Ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa tại Bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị. CLO8: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
-------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8
Bệnh lý Da liễu	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý Y học giới tính	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	LS	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bệnh lý Da liễu	24	102		126	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan	
Bệnh lý hậu môn trực tràng	24	102		126		
Bệnh lý Y học giới tính	33	102		135		
Bệnh lý tim mạch	15	102		117		
Bệnh lý tiết niệu	24	102		126		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Da liễu	102					
2	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	102					
3	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Y học giới tính	102					
4	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tim mạch	102					
5	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tiết niệu	102					
	TỔNG	510					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Báo cáo thực hành	33,3%		CDR3, CDR6, CDR7,

				CĐR8, CĐR9, CĐR12.
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc làm tiểu luận	66,7%		CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ)

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

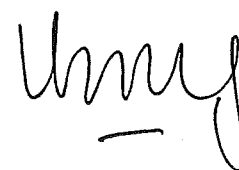
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PT. BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NHI

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ; Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chuyên ngành Nhi
- Đối tượng học (năm thứ 2): Thạc sĩ ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp X				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Chuyên ngành Nội
- Số tiết đối với các hoạt động học tập
 - + Lý thuyết: 75 tiết
 - + Lâm sàng: 690 tiết
 - + Thời gian tự học: 765 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Mời giảng		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
Kiến thức			
MT1	Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CĐR3	2.0 -> 3.0
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHĐ	CĐR3, 6	2.0 -> 3.0
Kỹ năng			
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CĐR6,7,8,9,11,12	4.0 -> 4.5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CĐR 14,15,16	0.0 -> 2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CDR1: Phân tích được xác các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CDR2: Phân tích được các nội dung trong vọng, vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD	CDR3: Giải thích chính xác chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.
Kỹ năng	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vọng vấn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CDR4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi. CDR5: Vận dụng thuần thực các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi. CDR6: Vận dụng thuần thực các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CDR7: Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành. CDR8: Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

QUAI BỊ	3	3	3	3	3	3	3	3
THỦY ĐẬU	3	3	3	3	3	3	3	3
CHÂN TAY MIỆNG	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm các kiến thức sâu về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	LS	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1	ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT	4					4	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được
2	NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT	4					4	
3	CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT	4					4	
4	SUY DINH DƯỠNG	4					4	
5	TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG	4					4	
6	TIÊU CHẢY	4					4	
7	HEN PHẾ QUẢN	4					4	
8	BẠI NÃO	4					4	
9	DI CHỨNG VIÊM NÃO	4					4	
10	LIỆT VII NGOẠI BIÊN	4					4	
11	DI NIỆU	4					4	

12	CO GIẬT	4					4	thảo luận trong buổi học
13	SA TRỰC TRÀNG	4					4	
14	VIÊM CẦU THẬN	4					4	
15	SÓT XUẤT HUYẾT	4					4	
16	SỎI	4					4	
17	QUAI BỊ	4					4	
18	THỦY ĐẬU	4					4	
19	CHÂN TAY MIỆNG	4					4	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Nhi Khoa Y học cổ truyền. Tài liệu lưu hành nội bộ: HVYDHCTVN.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[3]. Hải thượng lần ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[4]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	20					20
2	20					20
3	20					20
4	16					16

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt
động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X

Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập x

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR3 đến CDR6.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR6

- Hướng dẫn sinh viên thực tập lâm sàng: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn lâm sàng để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR8

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến, tùy theo điều kiện giảng đường

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

- Sinh viên phải hoàn thành các bệnh án lâm sàng được giao.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR 8
	Thực hành	40%		CĐR1 đến CĐR 8
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	60%		CĐR1 đến CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

$$TK = 0.4 TH + 0.6 thi.$$

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.


- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Huyền Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

LÂM SÀNG: Chuyên ngành Nhi

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ; Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chuyên ngành Nhi
- Đối tượng học (năm thứ 2): Thạc sĩ ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp X				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Chuyên ngành Nội
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 75 tiết
 - + Lâm sàng: 600 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 675 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1	Mời giảng		
---	-----------	--	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CĐR3	2.0 -> 3.0
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD	CĐR3, 6	2.0 -> 3.0
Kỹ năng			
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vọng vấn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CĐR6,7,8,9,11,12	4.0 -> 4.5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CĐR 14,15,16	0.0 -> 2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo

các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CDR1: Phân tích được xác các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CDR2: Phân tích được các nội dung trong vọng, vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ	CDR3: Giải thích chính xác chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.
Kỹ năng	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vọng vấn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CDR4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi. CDR5: Vận dụng thuần thục các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi. CDR6: Vận dụng thuần thục các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự	CDR7: Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh

SÓT XUẤT HUYẾT	3	3	3	3	3	3	3	3
SỎI	3	3	3	3	3	3	3	3
QUAI BỊ	3	3	3	3	3	3	3	3
THỦY ĐẬU	3	3	3	3	3	3	3	3
CHÂN TAY MIỆNG	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm các kiến thức sâu về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	LS	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1	ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT	4	28				32	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa
2	NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT	4	28				32	
3	CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT	4	28				32	
4	SUY DINH DƯỠNG	4	32				36	
5	TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG	4	32				36	
6	TIÊU CHẢY	4	32				36	
7	HEN PHẾ QUẢN	4	46				50	
8	BẠI NÃO	4	46				50	
9	DI CHỨNG VIÊM NÃO	4	46				50	

10	LIỆT VII NGOẠI BIÊN	4	32			36	hiều. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học
11	DI NIỆU	4	18			22	
12	CO GIẬT	4	32			36	
13	SA TRỰC TRÀNG	4	32			36	
14	VIÊM CẦU THẬN	4	32			36	
15	SÓT XUẤT HUYẾT	4	32			36	
16	SỎI	4	18			22	
17	QUAI BỊ	4	18			22	
18	THỦY ĐẬU	4	28			22	
19	CHÂN TAY MIỆNG	4	32			36	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; LS: Lâm sàng,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Nhi Khoa Y học cổ truyền. Tài liệu lưu hành nội bộ: HVYDHCTVN.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[3]. Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[4]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Học tại buồng bệnh	
1	ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT			4	24	4
2	NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT			4	24	4
3	CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT			4	24	4
4	SUY DINH DƯỠNG			8	24	8

5	TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG			8	24	8
6	TIÊU CHẢY			8	24	8
7	HEN PHẾ QUẢN			12	34	12
8	BẠI NÃO			12	34	12
9	DI CHỨNG VIÊM NÃO			12	34	12
10	LIỆT VII NGOẠI BIÊN			8	24	8
11	DI NIỆU			4	14	4
12	CO GIẬT			8	24	8
13	SA TRỰC TRÀNG			8	24	8
14	VIÊM CẦU THẬN			8	24	8
15	SÓT XUẤT HUYẾT			8	24	8
16	SỎI			4	14	4
17	QUAI BỊ			4	14	4
18	THỦY ĐẬU			4	24	4
19	CHÂN TAY MIỆNG			8	24	8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR3 đến CDR6.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR6

- Hướng dẫn sinh viên thực tập lâm sàng: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn lâm sàng để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR8

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến, tùy theo điều kiện giảng đường

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

- Sinh viên phải hoàn thành các bệnh án lâm sàng được giao.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR 8
	Thực hành	40%		CĐR1 đến CĐR 8
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	60%		CĐR1 đến CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

$$TK = 0.4 TH + 0.6 thi.$$

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Quỳnh Nga